

**BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THĂNG LONG**

---o0o---

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐỀ TÀI:

**HOÀN THIỆN KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT
LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
THƯƠNG MẠI MINH QUÂN**

SINH VIÊN THỰC HIỆN: TRẦN THỊ PHƯƠNG NHUNG

MÃ SINH VIÊN : A16365

CHUYÊN NGÀNH : KẾ TOÁN

**BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THĂNG LONG
---o0o---**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐỀ TÀI:

**HOÀN THIỆN KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT
LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
THƯƠNG MẠI MINH QUÂN**

Giáo viên hướng dẫn : Th.S Nguyễn Thanh Thủy

Sinh viên thực hiện : Trần Thị Phương Nhung

Mã sinh viên : A16365

Chuyên ngành : Kế toán

HÀ NỘI – 2014

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành tốt bài khóa luận này, phải kể đến công sức không nhỏ của các thầy cô trong trường Đại học Thăng Long cũng như sự giúp đỡ quý báu từ phía Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Minh Quân.

Em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến các thầy cô giáo của trường Đại học Thăng Long nói chung và các thầy cô giáo trong bộ môn kinh tế nói riêng – những người đã cung cấp cho em một nền tảng kiến thức vững chắc, tạo tiền đề để em có thể thực hiện được bài khóa luận này. Đặc biệt, em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Cô giáo, Thạc sỹ Nguyễn Thanh Thủy – người đã trực tiếp hướng dẫn và tận tình chỉ bảo cho em trong suốt thời gian thực hiện khóa luận.

Đồng thời, em xin gửi lời cảm ơn đến toàn bộ các bác, cô chú, anh chị là nhân viên Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Minh Quân, đặc biệt là các cô chú trong Phòng Tài chính – Kế toán đã tạo điều kiện thuận lợi cho em có cơ hội tìm hiểu và hoàn thành đề tài khóa luận của mình.

Trong thời gian thực hiện khóa luận, mặc dù em đã cố gắng rất nhiều, song do vốn kiến thức còn chưa sâu sắc và chưa có kinh nghiệm thực tế nên khóa luận của em khó có thể tránh khỏi những sai sót. Do vậy, em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp từ thầy cô và các bạn để khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên thực hiện

Trần Thị Phương Nhung

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan khóa luận tốt nghiệp này là do tự bản thân thực hiện có sự hỗ trợ từ giáo viên hướng dẫn và không sao chép công trình nghiên cứu của người khác. Các dữ liệu thông tin thứ cấp sử dụng trong khóa luận có nguồn gốc và được trích dẫn rõ ràng.

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về lời cam đoan này.

Sinh viên

Trần Thị Phương Nhung

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT THEO QUYẾT ĐỊNH 48/2006/QĐ - BTC .1	
1.1.KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM VÀ VAI TRÒ CỦA NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT	1
1.1.1.Khái niệm và đặc điểm nguyên vật liệu.....	1
1.1.2.Vai trò của nguyên vật liệu.....	1
1.2.YÊU CẦU QUẢN LÝ VÀ NHIỆM VỤ CỦA KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU	2
1.2.1.Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất	2
1.2.2.Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu	3
1.3.PHÂN LOẠI VÀ TÍNH GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU	3
1.3.1.Phân loại nguyên vật liệu	3
1.3.2.Tính giá nguyên vật liệu.....	5
<i>1.3.2.1.Tính giá nguyên vật liệu nhập kho</i>	<i>5</i>
<i>1.3.2.2.Tính giá nguyên vật liệu xuất kho</i>	<i>6</i>
1.4.KẾ TOÁN CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU	8
1.4.1.Chứng từ sử dụng	8
1.4.2.Thủ tục nhập – xuất kho nguyên vật liệu.....	8
<i>1.4.2.1.Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu</i>	<i>8</i>
<i>1.4.2.2.Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu</i>	<i>9</i>
1.4.3.Phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu.....	9
1.5.KẾ TOÁN TỔNG HỢP NGUYÊN VẬT LIỆU.....	12
1.5.1.Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	12
<i>1.5.1.1.Đặc điểm.....</i>	<i>12</i>
<i>1.5.1.2.Tài khoản sử dụng.....</i>	<i>12</i>
<i>1.5.1.3.Phương pháp kế toán</i>	<i>14</i>
1.5.2.Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kì	15
<i>1.5.2.1.Đặc điểm.....</i>	<i>15</i>
<i>1.5.2.2.Tài khoản sử dụng.....</i>	<i>15</i>
<i>1.5.2.3.Phương pháp kế toán</i>	<i>16</i>
1.6.LẬP DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ HÀNG TỒN KHO	17
1.6.1.Đặc điểm	17
1.6.2.Tài khoản sử dụng	18
1.6.3.Phương pháp kế toán	18
1.7.CÁC HÌNH THỨC TỔ CHỨC SỔ KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU.....	19

1.7.1.Hình thức Nhật kí – Sổ cái.....	19
1.7.2.Hình thức Nhật kí chung	20
1.7.3.Hình thức Chứng từ ghi sổ	21
1.7.4.Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	22
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI MINH QUÂN.....	65
3.1.ĐÁNH GIÁ VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI MINH QUÂN	65
3.1.1.Uu điểm	66
3.1.2.Tồn tại.....	68
3.2.YÊU CẦU VÀ NGUYÊN TẮC HOÀN THIỆN KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU	69
3.2.1.Yêu cầu hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu	69
3.2.2.Nguyên tắc hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu.....	69
3.3.MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI MINH QUÂN	71

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1.1. Thẻ kho	10
Bảng 1.2. Sổ chi tiết nguyên vật liệu	11
Bảng 2.1: Các nghiệp vụ nhập xuất vải cotton trong tháng 6	34
Bảng 2.2: Hóa đơn giá trị gia tăng	37
Bảng 2.3: Hóa đơn giá trị gia tăng vận chuyển	38
Bảng 2.4: Phiếu chi	39
Bảng 2.5: Biên bản kiểm nghiệm	40
Bảng 2.6: Phiếu nhập kho	41
Bảng 2.7: Giấy báo nợ	42
Bảng 2.8: Phiếu sản xuất	44
Bảng 2.9: Giấy đề nghị xuất vật tư	44
Bảng 2.10: Phiếu xuất kho	45
Bảng 2.11: Thẻ kho	47
Bảng 2.12: Sổ chi tiết nguyên vật liệu	48
Bảng 2.13: Bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn nguyên vật liệu	49
Bảng 2.14: Hóa đơn giá trị gia tăng	53
Bảng 2.15: Hóa đơn giá trị gia tăng bán phế liệu	54
Bảng 2.16: Phiếu thu	55
Bảng 2.17: Sổ chi tiết thanh toán với người bán	59
Bảng 2.18: Biên bản kiểm kê	60
Bảng 2.19: Sổ Nhật ký chung	61
Bảng 2.20: Sổ Cái tài khoản 152	63

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Kế toán chi tiết NVL theo phương pháp thẻ song song	11
Sơ đồ 1.2: Kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp KKTX (DN tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)	14
Sơ đồ 1.3: Kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp KKDK (DN tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)	16
Sơ đồ 1.4 : Trình tự ghi sổ kế toán NVL theo hình thức Nhật kí – Sổ cái	19
Sơ đồ 1.5 : Trình tự ghi sổ kế toán NVL theo hình thức Nhật kí chung	20
Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán NVL theo hình thức Chứng từ ghi sổ	21
Sơ đồ 1.7: Trình tự ghi sổ kế toán NVL theo hình thức Kế toán trên máy vi tính	22
Sơ đồ 2.1: Quy trình sản xuất chung của Công ty	25
Sơ đồ 2.2: Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty	26
Sơ đồ 2.3: Tổ chức bộ máy kế toán	28
Sơ đồ 2.4: Quy trình xử lý nghiệp vụ của phần mềm FAST	30
Sơ đồ 2.5: Quy trình kế toán chi tiết nguyên vật liệu.....	35
Sơ đồ 2.6: Quy trình nhập kho nguyên vật liệu	35
Sơ đồ 2.7: Quy trình xuất kho nguyên vật liệu	43

DANH MỤC VIẾT TẮT

Ký hiệu viết tắt	Tên đầy đủ
GTGT	Giá trị gia tăng
NVL	Nguyên vật liệu
PN	Phiếu nhập
PX	Phiếu xuất
SL	Số lượng
SX	Sản xuất
TK	Tài khoản
TSCĐ	Tài sản cố định
TT	Thành tiền

LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường, cạnh tranh giữa các doanh nghiệp với nhau là điều không thể tránh khỏi và nó ngày càng khốc liệt, gay gắt. Các doanh nghiệp cạnh tranh nhau với đề đứng vững trên thương trường, đáp ứng được yêu cầu của người tiêu dùng về chất lượng sản phẩm cao, giá thành hạ. Vậy làm thế nào để doanh nghiệp đạt được cả hai điều này?

Doanh nghiệp cần phải giám sát từ khâu đầu tiên cho đến khâu cuối cùng của quá trình sản xuất, từ khi tìm được nguồn thu mua nguyên vật liệu cho đến khi tìm được thị trường tiêu thụ sản phẩm để đảm bảo sử dụng vốn lưu động có hiệu quả, tăng nhanh tốc độ chu chuyển vốn, thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước, cải thiện đời sống người lao động, mang lại lợi nhuận cho doanh nghiệp. Doanh nghiệp nói chung và đặc biệt là doanh nghiệp sản xuất nói riêng cần phải thực hiện công tác quản lý, các yếu tố liên quan đến sản xuất đồng bộ, xuyên suốt toàn doanh nghiệp. Vì vậy, hạch toán kế toán là công cụ quan trọng không thể thiếu được để tiến hành quản lý các hoạt động kinh tế, sử dụng vật tư, tài sản của doanh nghiệp nhằm đảm bảo tính hiệu quả trong sản xuất kinh doanh. Một trong các phần hành kế toán quan trọng trong doanh nghiệp sản xuất, đó là kế toán nguyên vật liệu.

Tổ chức kế toán nguyên vật liệu tốt không chỉ cung cấp kịp thời nguyên vật liệu cho quá trình sản xuất mà còn kiểm tra, giám sát được việc tuân thủ định mức dự trữ và tiêu hao nguyên vật liệu mà doanh nghiệp đề ra, phát hiện kịp thời và ngăn chặn hiện tượng lãng phí trong sản xuất, để từ đó giảm bớt chi phí sản xuất, hạ thấp giá thành sản phẩm và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cho doanh nghiệp.

Được sự cho phép của ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Minh Quân, em đã có cơ hội tìm hiểu thực trạng tại công ty, em nhận thấy vai trò quan trọng của nguyên vật liệu đối với quá trình sản xuất kinh doanh và sự cần thiết phải quản lý tốt vật liệu. Vì vậy, cùng với sự giúp đỡ của cán bộ kế toán và sự chỉ bảo nhiệt tình của cô giáo – Th.S Nguyễn Thanh Thủy, em đã đi sâu nghiên cứu đề tài **“Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Minh Quân”**.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, khóa luận gồm ba phần chính:

Chương 1: Lý luận chung về kế toán nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp sản xuất theo quyết định 48/2006/QĐ - BTC

Chương 2: Thực trạng kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Minh Quân

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Minh Quân

Mục đích nghiên cứu:

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận chung về kế toán nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp sản xuất theo quyết định 48 và tìm hiểu thực trạng tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Minh Quân, từ đó đưa ra các đánh giá về thực trạng và đề xuất một số giải pháp phù hợp nhằm hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Minh Quân.

Đối tượng nghiên cứu:

Nghiên cứu những lý luận chung về kế toán nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp sản xuất theo quyết định 48/2006/QĐ - BTC. Bên cạnh đó, khoá luận tập trung giải quyết những vấn đề liên quan đến kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Minh Quân để đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Minh Quân..

Phạm vi nghiên cứu:

Giới hạn ở công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Minh Quân với số liệu minh họa của năm 2013.

CHƯƠNG 1:

LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT THEO QUYẾT ĐỊNH 48/2006/QĐ - BTC

1.1. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM VÀ VAI TRÒ CỦA NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

1.1.1. Khái niệm và đặc điểm nguyên vật liệu

Bất kỳ một doanh nghiệp nào khi tiến hành sản xuất đều phải có 3 yếu tố cơ bản, đó là: tư liệu lao động, đối tượng lao động và sức lao động. Nguyên vật liệu là đối tượng lao động, là một trong 3 yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất và là cơ sở vật chất để hình thành nên sản phẩm mới.

Như vậy, nguyên vật liệu là những đối tượng mua ngoài hoặc do doanh nghiệp tự chế biến để phục vụ cho quá trình sản xuất, kinh doanh trong doanh nghiệp. Thông thường, tỷ lệ nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng cao trong giá thành sản xuất sản phẩm. Do đó việc quản lý và sử dụng nguyên vật liệu có hiệu quả sẽ góp phần hạ thấp giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả của quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- **Đặc điểm:** Khác với tư liệu lao động, nguyên vật liệu chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất kinh doanh nhất định và toàn bộ giá trị nguyên vật liệu được chuyển hết một lần vào chi phí kinh doanh trong kỳ. Nguyên vật liệu là một trong những yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh, tham gia thường xuyên và trực tiếp vào quá trình sản xuất sản phẩm, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng cũng như giá thành của sản phẩm được sản xuất.

Tùy vào từng ngành nghề và các doanh nghiệp sản xuất khác nhau mà nguyên vật liệu cũng sẽ khác nhau. Ví dụ như đối doanh nghiệp sản xuất vải thì vải là thành phẩm, nhưng đối với doanh nghiệp chuyên về may mặc thì vải lại là nguyên vật liệu chính.

1.1.2. Vai trò của nguyên vật liệu

Kế hoạch sản xuất kinh doanh sẽ bị ảnh hưởng nếu việc cung cấp nguyên vật liệu không đầy đủ, kịp thời. Chất lượng của sản phẩm cũng phụ thuộc rất nhiều vào chất lượng của nguyên vật liệu làm ra nó. Do vậy, để sản xuất được những sản phẩm tốt, thỏa mãn được nhu cầu của khách hàng cần phải có những nguyên vật liệu có chất lượng cao, đảm bảo đúng quy cách, chủng loại.

Mặc khác, chi phí nguyên vật liệu thường chiếm tỷ trọng khá lớn trong giá thành sản xuất của sản phẩm:

- + Sản phẩm công nghiệp: nguyên vật liệu chiếm khoảng 50 – 60% giá thành sản xuất sản phẩm.
- + Sản phẩm chế biến: nguyên vật liệu chiếm tới 70 – 80% giá thành sản xuất sản phẩm.

Vì thế nên tập trung quản lý nguyên vật liệu một cách chặt chẽ ở tất cả các khâu từ thu mua, bảo quản, dự trữ và sử dụng nguyên vật liệu nhằm hạ thấp chi phí, giảm mức tiêu hao nguyên vật liệu là vấn đề vô cùng quan trọng mà bất cứ một doanh nghiệp nào cũng cần phải quan tâm. Điều này có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, hạ giá thành sản phẩm và trong một chừng mực nào đó, việc giảm mức tiêu hao nguyên vật liệu còn tiết kiệm được nguồn tài nguyên đang ngày càng cạn kiệt dần, là cơ sở để tăng sản phẩm xã hội.

Hơn nữa với xu thế thị trường hiện nay, với những nguồn lực như nhau ở các doanh nghiệp thì việc giảm chi phí nguyên vật liệu một cách hợp lý sẽ đem lại cơ hội cạnh tranh cho doanh nghiệp.

Như vậy, nguyên vật liệu có vai trò đặc biệt quan trọng đối với doanh nghiệp sản xuất. Do vậy, việc tổ chức công tác quản lý nguyên vật liệu là điều kiện không thể thiếu ở mỗi doanh nghiệp, nó góp phần tạo điều kiện cho quá trình sản xuất diễn ra liên tục, tăng hiệu quả sử dụng vốn.

1.2. YÊU CẦU QUẢN LÝ VÀ NHIỆM VỤ CỦA KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU

1.2.1. Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, lợi nhuận đã trở thành mục đích cuối cùng của sản xuất kinh doanh. Mỗi quan hệ tỷ lệ nghịch giữa chi phí và lợi nhuận ngày càng được quan tâm. Vì thế các doanh nghiệp đều ra sức tìm con đường giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm.

- **Trong khâu thu mua:** các doanh nghiệp phải thường xuyên tiến hành thu mua để đáp ứng kịp thời cho quá trình sản xuất, chế tạo sản phẩm và các nhu cầu khác của doanh nghiệp. Tại đây đòi hỏi phải quản lý chặt chẽ về khối lượng, quy cách, chủng loại và giá cả.

- **Trong khâu dự trữ và bảo quản:** để quá trình sản xuất được liên tục phải dự trữ nguyên vật liệu đầy đủ, không gây gián đoạn sản xuất nhưng cũng không được dự trữ quá lượng cần thiết gây ứ đọng vốn, tổn diện tích. Đồng thời phải thực hiện đầy đủ chế độ bảo quản theo tính chất lý hoá học của vật liệu.

- **Trong khâu sử dụng:** doanh nghiệp cần tính toán đầy đủ, chính xác, kịp thời giá nguyên vật liệu có trong giá vốn của thành phẩm. Do vậy trong khâu sử dụng phải tổ chức tốt việc ghi chép phản ánh tình hình xuất dùng và sử dụng nguyên vật liệu trong sản xuất kinh doanh đảm bảo sử dụng tiết kiệm, hiệu quả.

Do vậy với tỷ trọng chiếm khoảng 60-70% tổng chi phí sản xuất thành phẩm, nguyên vật liệu cần được quản lý thật tốt. Nếu doanh nghiệp biết sử dụng nguyên vật liệu một cách tiết kiệm, hợp lý thì sản phẩm làm ra càng có chất lượng tốt mà giá thành lại hạ tạo ra mối tương quan có lợi cho doanh nghiệp trên thị trường. Quản lý

nguyên vật liệu càng khoa học thì cơ hội đạt hiệu quả kinh tế càng cao. Với vai trò như vậy nên yêu cầu quản lý nguyên vật liệu cần chặt chẽ trong tất cả các khâu từ khâu thu mua, dự trữ và bảo quản đến khâu sử dụng.

1.2.2. Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu

Xuất phát từ yêu cầu quản lý vật liệu cũng như vai trò của kế toán trong quản lý kinh tế nói chung và quản lý doanh nghiệp nói riêng thì kế toán vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất cần thực hiện tốt những nhiệm vụ sau đây:

- Ghi chép phản ánh đầy đủ kịp thời số hiện có và tình hình luân chuyển của nguyên vật liệu về giá cả và hiện vật. Tính toán đúng đắn trị giá vốn (hoặc giá thành) thực tế của nguyên vật liệu nhập kho, xuất kho.

- Kiểm tra tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch, phương pháp kỹ thuật về hạch toán nguyên vật liệu, thực hiện đầy đủ các chế độ hạch toán ban đầu về nguyên vật liệu, phải hạch toán đúng chế độ, đúng phương pháp quy định để đảm bảo sự thống nhất trong công tác kế toán nguyên vật liệu.

- Kiểm tra việc chấp hành chế độ bảo quản, dự trữ và sử dụng nguyên vật liệu từ đó phát hiện, ngăn ngừa và đề xuất những biện pháp xử lý nguyên vật liệu thừa, ứ đọng, kém hoặc mất phẩm chất, phân bố chính xác nguyên vật liệu đã tiêu hao vào đối tượng sử dụng để từ đó giúp cho việc tính giá thành được chính xác.

- Tổ chức ghi chép phản ánh tổng hợp số liệu về tình hình thu mua, vận chuyển, bảo quản, đánh giá phân loại tình hình nhập xuất và quản lý nguyên vật liệu. Từ đó đáp ứng được nhu cầu quản lý thống nhất của Nhà nước cũng như yêu cầu quản lý của doanh nghiệp trong việc tính giá thành thực tế của nguyên vật liệu đã thu mua và nhập kho.

1.3. PHÂN LOẠI VÀ TÍNH GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU

1.3.1. Phân loại nguyên vật liệu

Trong doanh nghiệp sản xuất, vật liệu bao gồm nhiều loại, nhiều thứ có vai trò, công dụng, tính chất lý hoá khác nhau và biến động thường xuyên, liên tục hàng ngày trong quá trình sản xuất. Để phục vụ cho công tác quản lý và kế toán, phải phân loại vật liệu. Tùy thuộc vào nội dung kinh tế, chức năng của vật liệu trong hoạt động sản xuất kinh doanh để phân loại vật liệu.

- ***Phân loại theo vai trò và tác dụng của nguyên vật liệu:***

- + *Nguyên liệu, vật liệu chính*(Bao gồm cả nửa thành phẩm mua ngoài): Là đối tượng lao động chủ yếu trong doanh nghiệp, là cơ sở vật chất chủ yếu hình thành nên thực thể của sản phẩm mới.

Ví dụ: sắt, thép trong công nghiệp cơ khí; bông trong công nghiệp kéo sợi; gạch, ngói, xi măng trong công nghiệp xây dựng cơ bản; hạt giống, phân bón trong nông nghiệp...

+ **Vật liệu phụ:** Là những vật liệu có vai trò phụ trong quá trình sản xuất kinh doanh, giúp cho quá trình sản xuất kinh doanh được bình thường, có tác dụng phụ trợ trong sản xuất được sử dụng kết hợp với vật liệu chính để làm thay đổi màu sắc, hình dáng, mùi vị góp phần tăng cường chất lượng của sản phẩm.

Ví dụ: Đối với doanh nghiệp dệt thì nguyên vật liệu phụ có thể là các loại chế phẩm màu khác nhau dùng để nhuộm sợi, làm tăng vẻ đẹp cho vải, đối với doanh nghiệp may thì vật liệu phụ là các loại keo dán khác nhau, các loại vải đắp khác nhau nhằm trang trí hoặc tăng thêm độ bền của quần áo.

+ **Nhiên liệu:** Là những thứ vật liệu có tác dụng cung cấp nhiệt lượng cho quá trình sản xuất kinh doanh. Nhiên liệu gồm có: xăng, dầu, mỡ, hơi đốt, than củi...

+ **Phụ tùng thay thế sửa chữa:** Là những chi tiết phụ tùng máy móc, thiết bị mà doanh nghiệp mua sắm, dự trữ phục vụ cho việc sửa chữa máy móc, thiết bị.

Ví dụ: như các loại ốc, đinh, vít, bulong để thay thế, sửa chữa máy móc thiết bị các loại vỏ, ruột xe khác nhau để thay thế cho các phương tiện vận tải...

+ **Thiết bị xây dựng cơ bản:** là những thiết bị được sử dụng cho công việc xây dựng cơ bản (bao gồm cả thiết bị cần lắp và thiết bị không cần lắp).

Ví dụ: Thiết bị vệ sinh, thông gió, điều hoà...

+ **Phế liệu:** Là những phần vật chất mà doanh nghiệp có thể thu hồi được trong quá trình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Ví dụ: Khi đưa vật liệu chính là vải để cắt, may thành các loại quần áo khác nhau thì doanh nghiệp có thể thu hồi phế liệu là các loại vải vụn hoặc là các loại quần áo không đúng quy cách chất lượng, không đạt yêu cầu bị loại ra khỏi quá trình sản xuất. Cách phân loại này chỉ mang tính tương đối, gắn liền với từng doanh nghiệp cụ thể có một số loại là vật liệu phụ, có khi là phế liệu của doanh nghiệp này nhưng lại là vật liệu chính hoặc thành phẩm của một quá trình sản xuất kinh doanh khác.

- **Phân loại theo nguồn hình thành:**

+ **Vật liệu tự chế:** là vật liệu doanh nghiệp tự tạo ra để phục vụ cho nhu cầu sản xuất.

+ **Vật liệu mua ngoài:** là loại vật liệu doanh nghiệp không tự sản xuất mà do mua ngoài từ thị trường trong nước hoặc nhập khẩu.

+ **Vật liệu khác:** là loại vật liệu hình thành do được cấp phát, biếu tặng, góp vốn liên doanh.

- **Phân loại theo mục đích sử dụng:**

+ **Vật liệu dùng trực tiếp cho sản xuất sản phẩm:** Là các loại nguyên vật liệu tiêu hao trong quá trình sản xuất sản phẩm (nguyên vật liệu trực tiếp, nguyên vật liệu gián tiếp).

+ *Vật liệu dùng cho các nhu cầu khác*: phục vụ cho sản xuất chung, cho nhu cầu bán hàng, cho quản lý doanh nghiệp.

Việc phân loại này giúp cho doanh nghiệp tổ chức kế toán chi tiết và quản lý nguyên vật liệu dễ dàng hơn. Ngoài ra, việc phân loại còn giúp cho doanh nghiệp nhận biết rõ nội dung kinh tế và vai trò, chức năng của từng loại nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh, để từ đó đề ra biện pháp thích hợp trong việc tổ chức, quản lý và sử dụng có hiệu quả các loại nguyên vật liệu.

1.3.2. Tính giá nguyên vật liệu

1.3.2.1. Tính giá nguyên vật liệu nhập kho

Trong các doanh nghiệp sản xuất, nguyên vật liệu được nhập từ nhiều nguồn khác nhau mà giá thực tế của chúng trong từng trường hợp được xác định như sau:

- **Đối với nguyên vật liệu mua ngoài nhập kho**

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế} \\ \text{NVL nhập} \\ \text{kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá mua ghi} \\ \text{trên hóa đơn} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Thuế NK,} \\ \text{thuế TTĐB} \\ \text{(nếu có)} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Các khoản chiết} \\ \text{khấu thương mại,} \\ \text{trả lại, giảm giá} \\ \text{(nếu có)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{thu mua} \end{array}$$

Trong đó:

- + Giá mua trên hóa đơn:
 - Nếu doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì giá mua ghi trên hóa đơn là giá chưa bao gồm thuế GTGT.
 - Nếu doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp hoặc vật liệu dùng để sản xuất sản phẩm không chịu thuế GTGT hoặc nhận được hóa đơn bán hàng thông thường từ người bán thì giá mua ghi trên hóa đơn là giá đã bao gồm thuế GTGT.
- + Đối với nguyên vật liệu nhập khẩu thì thuế NK và thuế TTĐB (đối với hàng hóa chịu thuế TTĐB) cũng được tính vào giá thực tế của nguyên vật liệu.
- + Chiết khấu thương mại: Là phần chiết khấu doanh nghiệp được hưởng trong trường hợp mua với số lượng lớn.
- + Hàng mua trả lại: Là phần nguyên vật liệu doanh nghiệp trả lại cho nhà cung cấp do một số nguyên nhân như hàng kém chất lượng, sai phẩm chất, quy cách,...
- + Giảm giá: Là phần giảm giá do một số nguyên nhân như hàng kém chất lượng, sai phẩm chất, quy cách,... nhưng doanh nghiệp vẫn chấp nhận lô nguyên vật liệu với điều kiện đi kèm là nhà cung cấp giảm giá lô nguyên vật liệu đó.
- + Chi phí thu mua phát sinh: bao gồm các chi phí vận chuyển, bốc dỡ, bảo quản, phân loại, thuê kho bãi, phí kiểm định của hải quan, hao hụt trong định mức....

- **Đối với nguyên vật liệu tự gia công, chế biến:**

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế của} \\ \text{NVL gia công} \\ \text{nhập kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thực tế của vật liệu} \\ \text{xuất kho gia công} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí gia công, chế} \\ \text{biến} \end{array}$$

- **Đối với nguyên vật liệu thuê ngoài gia công, chế biến:**

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế NVL} \\ \text{thuê ngoài gia công} \\ \text{nhập kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thực tế của} \\ \text{vật liệu xuất gửi} \\ \text{gia công} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí thuê} \\ \text{ngoài gia} \\ \text{công} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí vận chuyển,} \\ \text{bốc dỡ, hao hụt trong} \\ \text{định mức,..} \end{array}$$

- **Đối với nguyên vật liệu nhận vốn góp liên doanh:** trị giá thực tế của nguyên vật liệu nhận góp vốn liên doanh là giá do hội đồng liên doanh đánh giá hoặc do một bên thứ 3 đánh giá.

- **Đối với nguyên vật liệu vay, mượn, được biếu tặng hay nhận viện trợ:** trị giá thực tế của nguyên vật liệu được tính theo giá trị thị trường của nguyên vật liệu tại thời điểm đó.

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá nguyên liệu,} \\ \text{vật liệu nhập kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị thị trường} \\ \text{của NVL tương đương} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí khác liên quan} \\ \text{trực tiếp đến việc tiếp nhận} \end{array}$$

- **Đối với phế liệu thu hồi (nếu có):** trị giá thực tế sẽ được đánh giá theo giá trị có thể bán hoặc sử dụng được theo thị trường.

1.3.2.2. *Tính giá nguyên vật liệu xuất kho*

+ **Giá thực tế (Phương pháp giá thực tế đích danh):** Phương pháp này thường được áp dụng đối với các vật liệu có giá trị cao, các loại vật liệu đặc chủng. Giá thực tế vật liệu xuất kho được căn cứ vào số lượng xuất kho và đơn giá nhập kho (mua) thực tế của từng hàng, từng lần nhập từng lô hàng và số lượng xuất kho theo từng lần nhập. Hay nói cách khác, vật liệu nhập kho theo giá nào thì khi xuất kho ghi theo giá đấy.

Đây là phương án tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán, chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị của hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó.

Tuy nhiên, việc áp dụng phương pháp này đòi hỏi những điều kiện khắt khe, chỉ những doanh nghiệp kinh doanh có ít loại mặt hàng, hàng tồn kho có giá trị lớn, mặt hàng ổn định và loại hàng tồn kho nhận diện được thì mới có thể áp dụng được phương pháp này. Còn đối với những doanh nghiệp có nhiều loại hàng thì không thể áp dụng được phương pháp này.

- **Giá giả định**

+ **Phương pháp nhập trước – xuất trước (FIFO):** Áp dụng dựa trên giả định là NVL được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và NVL còn lại cuối kỳ là NVL được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị NVL xuất kho được tính theo giá của lô NVL nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của NVL được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

Ưu điểm: Nếu giá cả có xu hướng tăng thì giá trị NVL cuối kì sẽ gần sát với giá thực tế tại thời điểm cuối kì.

Nhược điểm: Phương pháp này khiến chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp không phản ánh đúng giá cả thị trường của nguyên vật liệu. Đồng thời, phương pháp này tốn nhiều công sức do phải tính giá riêng cho từng nguyên vật liệu và từng lần xuất khác nhau.

+ **Phương pháp nhập sau – xuất trước (LIFO):** Áp dụng dựa trên giả định là NVL được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và NVL còn lại cuối kỳ là NVL được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị NVL xuất kho được tính theo giá của lô NVL nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của NVL được tính theo giá của NVL nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

Ưu điểm: trái ngược với phương pháp FIFO, phương pháp này giúp chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp gần sát với thực tế giá thị trường tại thời điểm xuất kho.

Nhược điểm: tốn nhiều công sức do phải tính lại đơn giá cho mỗi lần xuất và cho từng nguyên vật liệu. Nếu xu hướng giá cả tăng thì giá trị xuất kho sẽ cao, làm tăng giá thành sản xuất sản phẩm trong kì và từ đó làm giảm mức lãi trong kì.

+ **Phương pháp bình quân cả kì dự trữ:** Theo phương pháp này, đến cuối kỳ mới tính trị giá vốn của NVL xuất kho trong kỳ. Tùy theo kỳ dự trữ của doanh nghiệp áp dụng mà kế toán NVL căn cứ vào giá nhập, lượng NVL đầu kỳ và nhập trong kỳ để tính giá đơn vị bình quân:

$$\text{Trị giá thực tế NVL xuất kho trong kì} = \text{Số lượng NVL xuất kho} \times \text{Đơn giá bình quân cả kì dự trữ}$$

Trong đó:

$$\text{Đơn giá bình quân cả kì dự trữ} = \frac{\text{Giá trị NVL tồn đầu kì} + \text{Giá trị NVL nhập trong kì}}{\text{Số lượng NVL tồn đầu kì} + \text{Số lượng NVL nhập trong kì}}$$

Ưu điểm: Đơn giản, dễ làm, chỉ cần tính toán một lần vào cuối kỳ.

Nhược điểm: Độ chính xác không cao, hơn nữa, công việc tính toán dồn vào cuối tháng gây ảnh hưởng đến tiến độ của các phần hành khác. Ngoài ra, phương pháp

này chưa đáp ứng yêu cầu kịp thời của thông tin kế toán ngay tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

+ **Phương pháp bình quân sau mỗi lần nhập:** Sau mỗi lần nhập NVL, kế toán phải xác định lại giá trị thực của NVL và giá đơn vị bình quân. Giá đơn vị bình quân được tính theo công thức sau:

$$\text{Đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Tổng giá thực tế NVL sau mỗi lần nhập}}{\text{Tổng số lượng thực tế NVL sau mỗi lần nhập}}$$

Phương pháp này có ưu điểm là khắc phục được những hạn chế của phương pháp trên nhưng việc tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn nhiều công sức. Do đặc điểm trên mà phương pháp này được áp dụng ở các doanh nghiệp có ít chủng loại NVL, có tần suất nhập xuất ít.

1.4. KẾ TOÁN CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU

1.4.1. Chứng từ sử dụng

Theo chế độ kế toán hiện hành, kế toán nguyên vật liệu sử dụng các chứng từ chủ yếu sau:

- Phiếu nhập kho nguyên vật liệu (Mẫu 01-VT)
- Phiếu xuất kho vật tư (Mẫu 02-VT)
- Phiếu nhập kho kiêm vận chuyển nội bộ (Mẫu 03-VT)
- Biên bản kiểm kê vật tư, sản phẩm hàng hóa (Mẫu 08-VT)
- Hóa đơn (GTGT) (Mẫu 01-GTGT)
- Hóa đơn cước vận chuyển (Mẫu 03-BH)

Ngoài các chứng từ bắt buộc sử dụng thống nhất theo quy định của Nhà nước các doanh nghiệp có thể sử dụng thêm các chứng từ kế toán hướng dẫn như : Phiếu xuất nguyên vật liệu theo hạn mức (Mẫu 04-VT); biên bản kiểm nghiệm nguyên vật liệu (Mẫu 05-VT); Phiếu báo nguyên vật liệu còn lại cuối kỳ (Mẫu 07-VT) và các chứng từ khác tùy thuộc vào đặc điểm, tình hình cụ thể của từng doanh nghiệp.

1.4.2. Thủ tục nhập – xuất kho nguyên vật liệu

1.4.2.1. Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu

Bộ phận cung ứng vật tư căn cứ vào kế hoạch mua hàng và hợp đồng mua hàng đã ký kết để tiến hành mua hàng. Khi hàng về đến nơi, nếu xét thấy cần thiết có thể lập ban kiểm nghiệm vật tư sau đó đánh giá hàng mua về mặt số lượng, chất lượng và quy cách. Căn cứ vào kết quả kiểm nghiệm, ban kiểm nghiệm lập ra “Biên bản kiểm nghiệm vật tư” .

Sau đó bộ phận cung ứng vật tư dựa trên cơ sở hóa đơn và biên bản kiểm nghiệm để lập ra phiếu nhập kho hay phiếu nhập vật tư. Phiếu nhập kho được lập

thành 2 liên (Đối với vật tư mua ngoài) hoặc 3 liên (Đối với vật tư tự sản xuất). Thủ kho sau khi nhận được vật tư sẽ ghi số lượng vào cột thực nhập, ký nhận.

- Liên 1: Do bộ phận lập phiếu giữ
- Liên 2: Thủ kho ghi thẻ kho sau đó chuyển cho kế toán
- Liên 3 (nếu có): Thủ kho

Còn hợp đồng mua hàng, hóa đơn của người bán được giao cho bộ phận tài vụ, làm thủ tục thanh toán và ghi sổ kế toán.

Trong trường hợp NVL thừa, thiếu hay sai quy cách, thủ kho phải báo cáo cho bộ phận cung ứng vật tư và người lập ra Biên bản kiểm nghiệm. Hàng ngày hoặc định kì, thủ kho chuyển giao phiếu nhập kho cho kế toán vật tư làm căn cứ để ghi sổ kế toán.

1.4.2.2. Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu

Căn cứ vào phiếu xuất kho, thủ kho xuất vật tư và ghi sổ thực xuất vào phiếu xuất kho sau đó ghi nhận số lượng xuất và tồn kho của từng thứ vật tư vào thẻ kho.

Phiếu xuất kho được lập thành 3 liên:

- Liên 1: Do bộ phận lập phiếu giữ
- Liên 2: Giao cho thủ kho, thủ kho ghi thẻ kho sau đó chuyển cho kế toán
- Liên 3: Thủ kho

Đối với trường hợp xuất bán vật liệu, bộ phận cung ứng căn cứ vào những thỏa thuận của khách hàng để lập “Hóa đơn kiêm phiếu xuất kho”. Phiếu này được lập làm 3 liên:

- Liên 1: Giao cho khách hàng
- Liên 2: Giao cho bộ phận cung ứng
- Liên 3: Giao cho thủ kho, thủ kho ghi thẻ kho sau đó chuyển cho kế toán

1.4.3. Phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu

Hạch toán chi tiết NVL là việc hạch toán kết hợp giữa thủ kho và phòng kế toán nhằm mục đích theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn kho của từng danh điểm NVL cả về số lượng, chất lượng và giá trị.

Kế toán chi tiết ở kho do thủ kho tiến hành, thủ kho phải có trách nhiệm bảo quản nguyên vật liệu tại kho, thực hiện việc nhập, xuất nguyên vật liệu trên cơ sở chứng từ hợp lệ. Thủ kho phải ghi chép vào thẻ kho và các sổ có liên quan đến tình hình nhập, xuất, tồn kho.

Ở phòng kế toán thông qua các chứng từ ban đầu để kiểm tra tính hợp lệ và ghi chép vào sổ sách chi tiết và tổng hợp bằng cả chỉ tiêu giá trị và số lượng để phản ánh, giúp cho Giám đốc có thể kiểm tra tình hình nhập, xuất, dự trữ, bảo quản nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất.

Phương pháp thẻ song song

- **Tại kho:** Thủ kho dùng thẻ kho để phản ánh tình hình nhập - xuất tồn nguyên vật liệu về mặt số lượng. Mỗi chứng từ ghi một dòng vào thẻ kho. Sổ được mở cho từng danh điểm nguyên vật liệu. Cuối tháng thủ kho phải tiến hành tổng cộng số nhập, xuất, tính ra số tồn kho về mặt lượng theo từng danh điểm nguyên vật liệu.

- **Tại phòng kế toán:** Kế toán nguyên vật liệu sử dụng thẻ kho hay sổ chi tiết nguyên vật liệu. Sổ chi tiết nguyên vật liệu kết cấu như thẻ kho nhưng thêm cột đơn giá và phản ánh riêng theo số lượng, giá trị và cũng được phản ánh theo từng danh điểm nguyên vật liệu. Hàng ngày khi nhận được chứng từ nhập - xuất nguyên vật liệu ở kho, kế toán kiểm tra và hoàn chỉnh chứng từ rồi ghi vào sổ (thẻ) chi tiết. Định kỳ phải kiểm tra số liệu trên thẻ kho và sổ chi tiết. Cuối tháng tính ra số tồn kho và đối chiếu số liệu với sổ kế toán tổng hợp. Đối chiếu số liệu giữa sổ chi tiết vật liệu ở phòng kế toán và thẻ kho của thủ kho bằng cách thông qua báo cáo tình hình biến động của nguyên vật liệu do thủ kho gửi lên.

Bảng 1.1. Thẻ kho

Đơn vị:.....

Tên kho:.....

THẺ KHO

Ngày lập thẻ:.....

Tờ số:.....

Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư:.....

Mã vật tư:.....

Đơn vị tính:.....

S T T	Chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập, xuất	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
	SH	NT			Nhập	Xuất	Tồn	
A	B	C	D	E	1	2	3	4
			Tồn đầu kỳ					
			...					
			Cộng phát sinh					
			Tồn cuối kỳ					

Bảng 1.2. Sổ chi tiết nguyên vật liệu
SỔ CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU

Tài khoản:..... Tiểu khoản:..... Kho:.....

Năm:.....

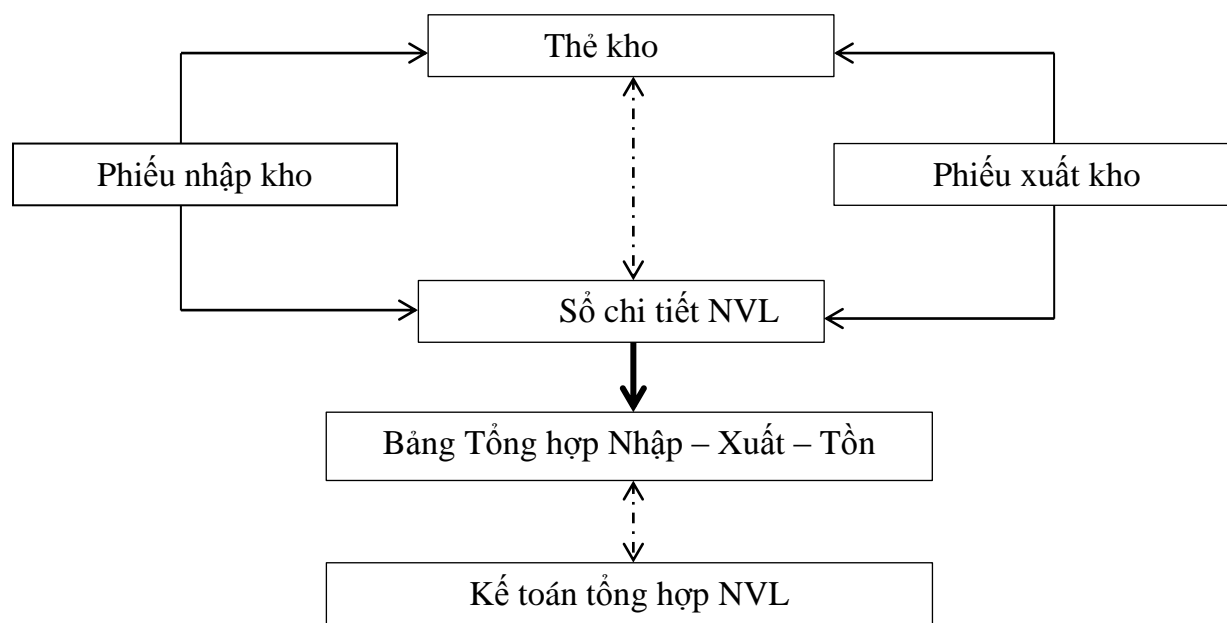
Tên vật liệu, quy cách, phẩm chất:.....

Trang:.....

DVT:.....

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
	SH	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT	
			Tồn đầu kỳ									
											
			Cộng phát sinh									
			Tồn cuối kỳ									

**Sơ đồ 1.1: Kế toán chi tiết NVL theo phương pháp
thẻ song song**



Chú thích:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng
- ←-...-> Đôi chiều số liệu

- **Điều kiện áp dụng:** Thích hợp trong các doanh nghiệp có ít chủng loại vật tư, hàng hoá, khối lượng các nghiệp vụ nhập, xuất ít, phát sinh không thường xuyên, trình độ của nhân viên kế toán chưa cao

- **Ưu điểm:** Đơn giản, dễ làm, dễ kiểm tra đối chiếu số liệu, đảm bảo độ tin cậy cao của thông tin và có khả năng cung cấp thông tin nhanh cho quản trị hàng tồn kho.

- **Nhược điểm:** Khối lượng ghi chép lớn (đặc biệt trường hợp doanh nghiệp có nhiều chủng loại vật tư, hàng hoá), ghi chép trùng lặp chi tiêu số lượng giữa kế toán và thủ kho.

1.5. KẾ TOÁN TỔNG HỢP NGUYÊN VẬT LIỆU

1.5.1. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên

1.5.1.1. Đặc điểm

- Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi, phản ánh thường xuyên liên tục có hệ thống tình hình nhập – xuất – tồn vật tư hàng hoá trên sổ kế toán, trên tài khoản hàng tồn dùng để phản ánh số hiện có, tình hình biến động tăng giảm vật tư hàng hoá trong kho của đơn vị, giá trị vật tư hàng hoá tồn kho trên sổ kế toán có thể xác định tại bất kỳ thời điểm nào trong kỳ hạch toán.

- Phương pháp này thích hợp với doanh nghiệp sản xuất, đơn vị kinh doanh thương mại mặt hàng có giá trị lớn

1.5.1.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 151 – “Hàng mua đang đi đường”: Phản ánh giá trị thực tế của các loại hàng hóa, vật tư mua ngoài đã thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp nhưng chưa về nhập kho.

Kết cấu tài khoản 151:

Nợ	TK 151 – Hàng mua đang đi đường	Có
SĐDK: Trị giá nguyên vật liệu đã mua nhưng chưa về nhập kho đầu kì		
-Trị giá nguyên vật liệu đã mua đang đi đường. -Kết chuyển trị giá nguyên vật liệu đã mua đang đi đường cuối kỳ (Đối với DN áp dụng phương pháp KKĐK)		-Trị giá nguyên vật liệu mua đi đường đã về nhập kho. -Kết chuyển trị giá nguyên vật liệu đã mua đang đi đường đầu kỳ (Đối với DN áp dụng phương pháp KKĐK)
SDCK: Trị giá nguyên vật liệu đã mua nhưng chưa về nhập kho cuối kỳ		

Tài khoản 152 – “Nguyên liệu, vật liệu”: Tài khoản này dùng để ghi chép tình hình tăng, giảm và số hiện có NVL theo giá thực tế.

Kết cấu tài khoản 152:

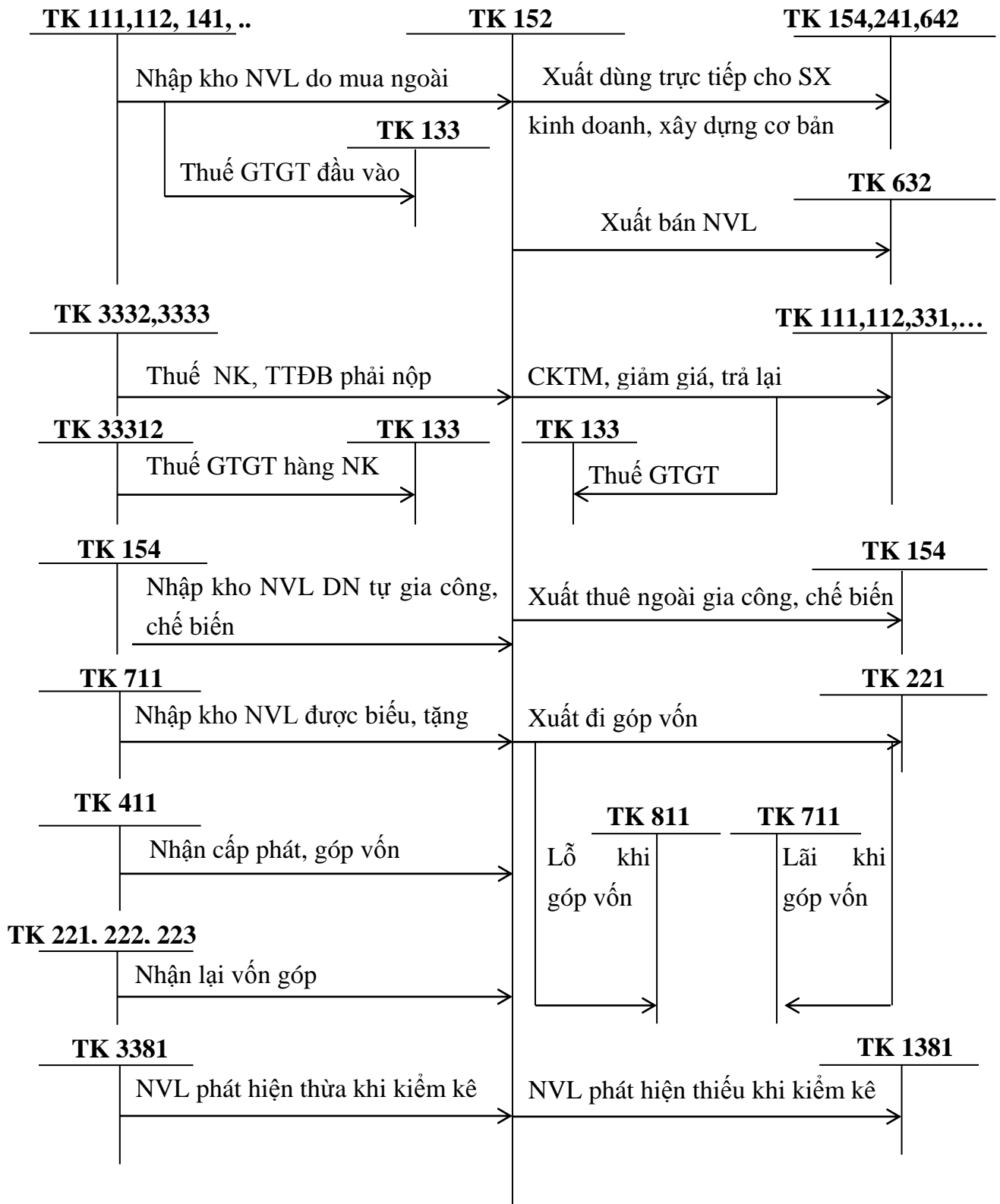
Nợ	TK 152 – Nguyên liệu, vật liệu	Có
SDDK: Trị giá thực tế NVL tồn đầu kỳ		
-Trị giá thực tế NVL nhập kho trong kỳ -Trị giá NVL phát hiện thừa khi kiểm kê -Kết chuyển trị giá thực tế NVL tồn cuối kỳ (Đối với DN áp dụng phương pháp KKĐK)		-Trị giá thực tế NVL xuất kho trong kỳ -Trị giá NVL phát hiện thiếu khi kiểm kê -Kết chuyển trị giá thực tế NVL tồn đầu kỳ (Đối với DN áp dụng phương pháp KKĐK)
SDCK: Trị giá thực tế NVL tồn cuối kỳ		

1.5.1.3. Phương pháp kế toán

- Tại DN tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ

Sơ đồ 1.2: Kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp KKTX

(DN tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)



- **Tại DN tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp**

Các nghiệp vụ tăng, giảm NVL ở doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp cũng tương tự như doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, điểm khác biệt duy nhất chính là thuế GTGT của NVL được tính vào trị giá thực tế của NVL. Khi đó, nghiệp vụ tăng NVL được định khoản như sau:

Nợ TK 152 (Ghi theo tổng giá thanh toán – giá đã bao gồm thuế GTGT)

Có TK 111,112,141,331,....

1.5.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.5.2.1. Đặc điểm

- Phương pháp KKĐK là phương pháp căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế để phản ánh giá trị vật tư tồn kho cuối kỳ trên sổ kế toán tổng hợp, từ đó tính ra giá trị xuất kho vật tư trong kỳ. Mọi biến động về vật tư hàng hoá không theo dõi phản ánh trên tài khoản hàng tồn kho (151, 152, 153) mà được phản ánh trên TK611: mua hàng (tài khoản hàng tồn kho chi sử dụng để kết chuyển đầu kỳ và cuối kỳ)

- Đối với các nghiệp vụ xuất kho, kế toán chỉ phản ánh vào sổ chi tiết và tổng hợp tình hình xuất kho theo các đối tượng sử dụng bằng chỉ tiêu hiện vật cuối kỳ, sau khi kiểm kê vật tư tồn xác định giá trị thực tế vật tư đã xuất dùng, từ đó lập định khoản và ghi vào tài khoản liên quan

- Phương pháp này thường áp dụng ở đơn vị có nhiều chủng loại vật tư nhỏ, xuất dùng thường xuyên. Ưu điểm của phương pháp này là giảm nhẹ khối lượng kế toán, nhưng độ chính xác phụ thuộc vào chất lượng công tác quản lý tại kho, tại quầy.

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị NVL} \\ \text{xuất dùng} \\ \text{trong kỳ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị NVL} \\ \text{tồn đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Giá trị NVL} \\ \text{nhập trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá trị NVL tồn} \\ \text{cuối kỳ} \end{array}$$

1.5.2.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 611 – “Mua hàng”: Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá NVL, công cụ dụng cụ, hàng hóa mua vào, nhập kho hoặc đưa vào sử dụng trong kỳ.

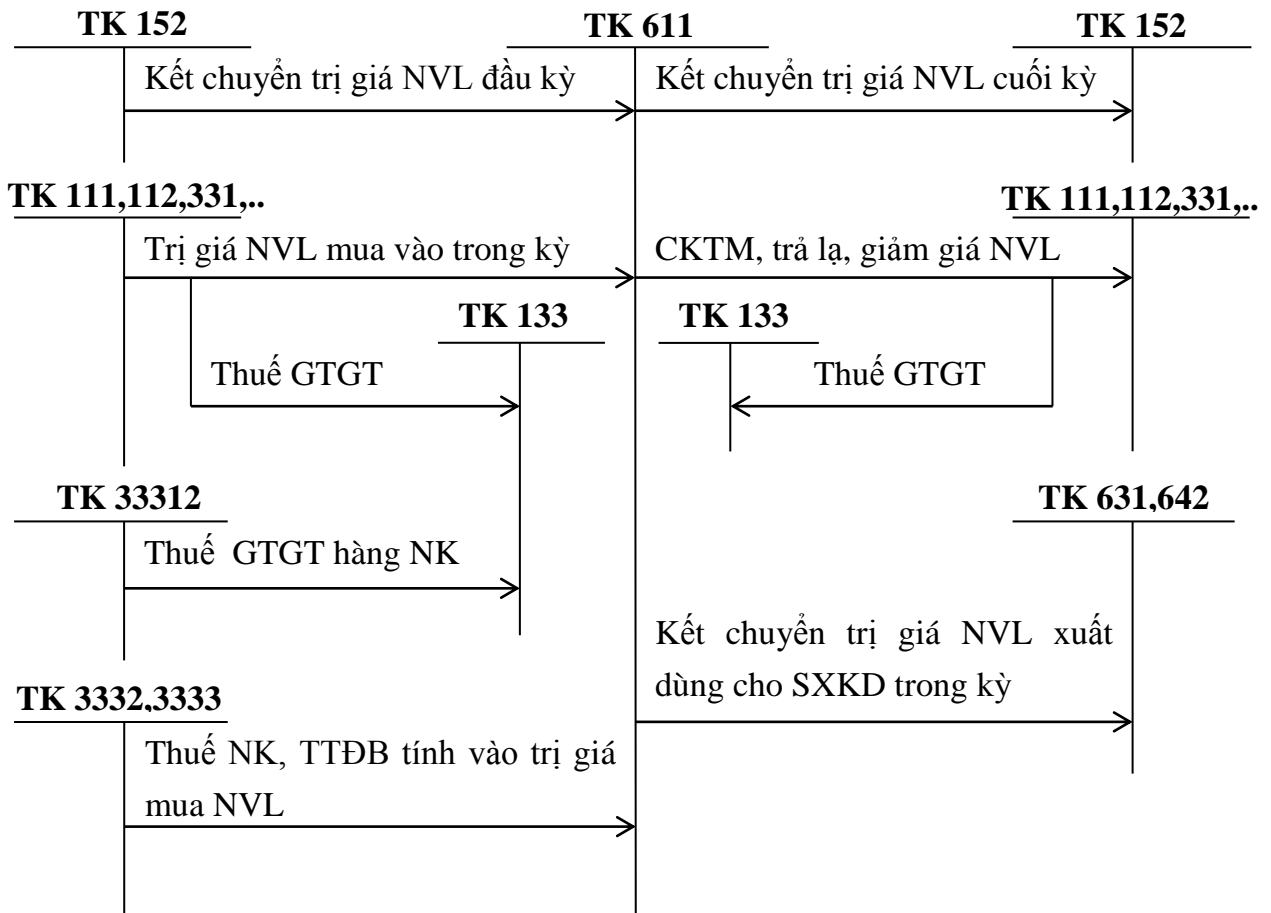
Kết cấu tài khoản 611:

Nợ	TK 611 – Mua hàng	Có
<p>-Trị giá thực tế vật tư, hàng hóa tồn đầu kỳ (Theo kết quả kiểm kê)</p> <p>-Trị giá thực tế vật tư, hàng hóa mua vào trong kỳ, hàng hóa đã bán bị trả lại,...</p>		<p>-Trị giá thực tế vật tư xuất dùng trong kỳ. Trị giá thực tế hàng hóa đã gửi bán nhưng chưa xác định là tiêu thụ trong kỳ.</p> <p>-Trị giá vật tư, hàng hóa mua vào trả lại cho người bán hoặc được giảm giá</p> <p>-Trị giá thực tế vật tư, hàng hóa tồn cuối kỳ (Theo kết quả kiểm kê)</p>

1.5.2.3. Phương pháp kế toán

- Tại DN tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ

**Sơ đồ 1.3: Kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp KKĐK
(DN tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)**



- **Tại DN tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp**

Các nghiệp vụ tăng, giảm NVL ở doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp cũng tương tự như doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, điểm khác biệt duy nhất chính là thuế GTGT của NVL được tính vào trị giá thực tế của NVL. Khi đó, nghiệp vụ tăng NVL được định khoản như sau:

Nợ TK 611 (Ghi theo tổng giá thanh toán – giá đã bao gồm thuế GTGT)

Có TK 111,112,141,331,....

1.6. LẬP DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ HÀNG TỒN KHO

1.6.1. Đặc điểm

Trong điều kiện kinh doanh theo cơ chế thị trường, để hạn chế rủi ro trong quá trình sản xuất, kinh doanh và tôn trọng nguyên tắc “thận trọng” của kế toán, các doanh nghiệp cần thực hiện việc dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho và giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Theo thông tư 228/2009/TT – BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính, mức lập dự phòng được tính theo công thức sau:

$$\text{Mức dự phòng giảm giá vật tư hàng hóa} = \frac{\text{Lượng vật tư hàng hóa thực tế tồn kho tại thời điểm lập báo cáo tài chính}}{\text{Giá gốc hàng tồn kho theo sổ kế toán}} \times \left(\text{Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho} \right)$$

Trong đó:

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kì sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc bán chúng.

Điều kiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

- Có hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của Bộ Tài chính hoặc các bằng chứng khác chứng minh giá vốn hàng tồn kho.
- Là những vật tư hàng hóa thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp tồn kho tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Trường hợp nguyên vật liệu có giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn so với giá gốc nhưng giá bán sản phẩm dịch vụ được sản xuất từ nguyên vật liệu này không bị giảm giá thì không được trích lập dự phòng giảm giá nguyên vật liệu tồn kho đó.

1.6.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 1593 – “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, kế toán sử dụng tài khoản này khi có những bằng chứng tin cậy về sự giảm giá của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Kết cấu tài khoản 1593:

Nợ	TK 1593 – Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	Có
		SDDK: Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho còn đầu kỳ
Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hoàn nhập, ghi nhận giảm giá vốn hàng bán ra trong kỳ.		Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ
		SDCK: Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho hiện có cuối kỳ

1.6.3. Phương pháp kế toán

Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay lớn hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán năm trước thì số chênh lệch lớn hơn được lập thêm, kế toán ghi:

Nợ TK 632 – Giá vốn hàng bán

Có TK 1593 – Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán năm trước thì số chênh lệch nhỏ hơn được hoàn nhập, kế toán ghi:

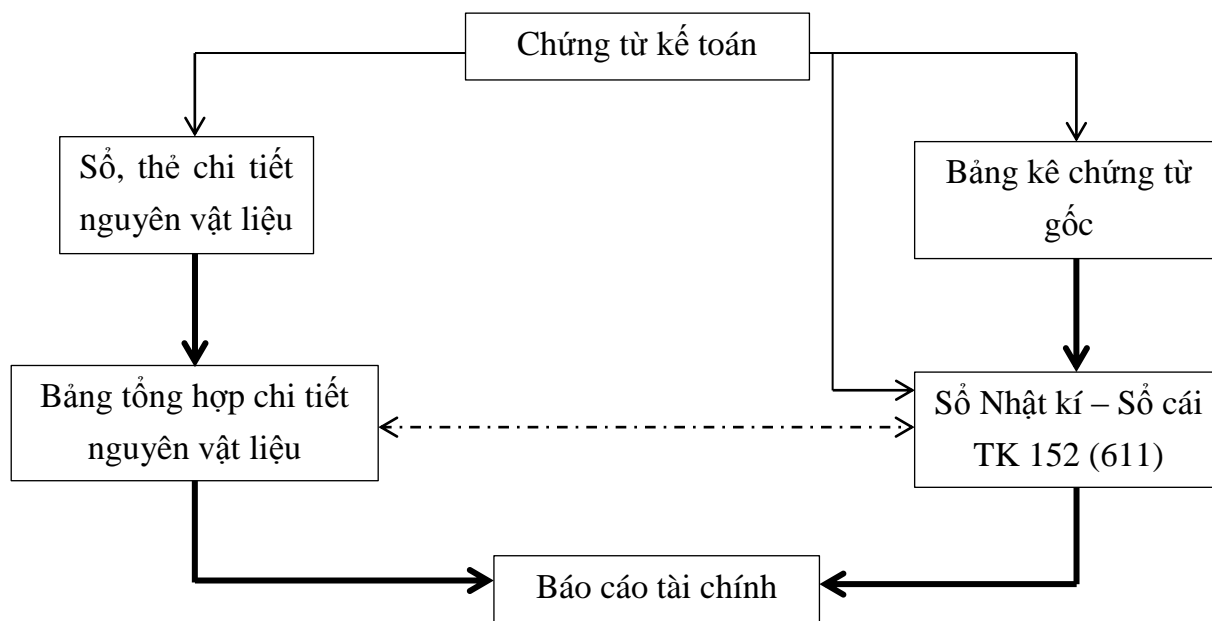
Nợ TK 1593 – Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Có TK 632 – Giá vốn hàng bán

1.7. CÁC HÌNH THỨC TỔ CHỨC SỔ KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU

1.7.1. Hình thức Nhật kí – Sổ cái

Sơ đồ 1.4 : Trình tự ghi sổ kế toán NVL theo hình thức Nhật kí – Sổ cái



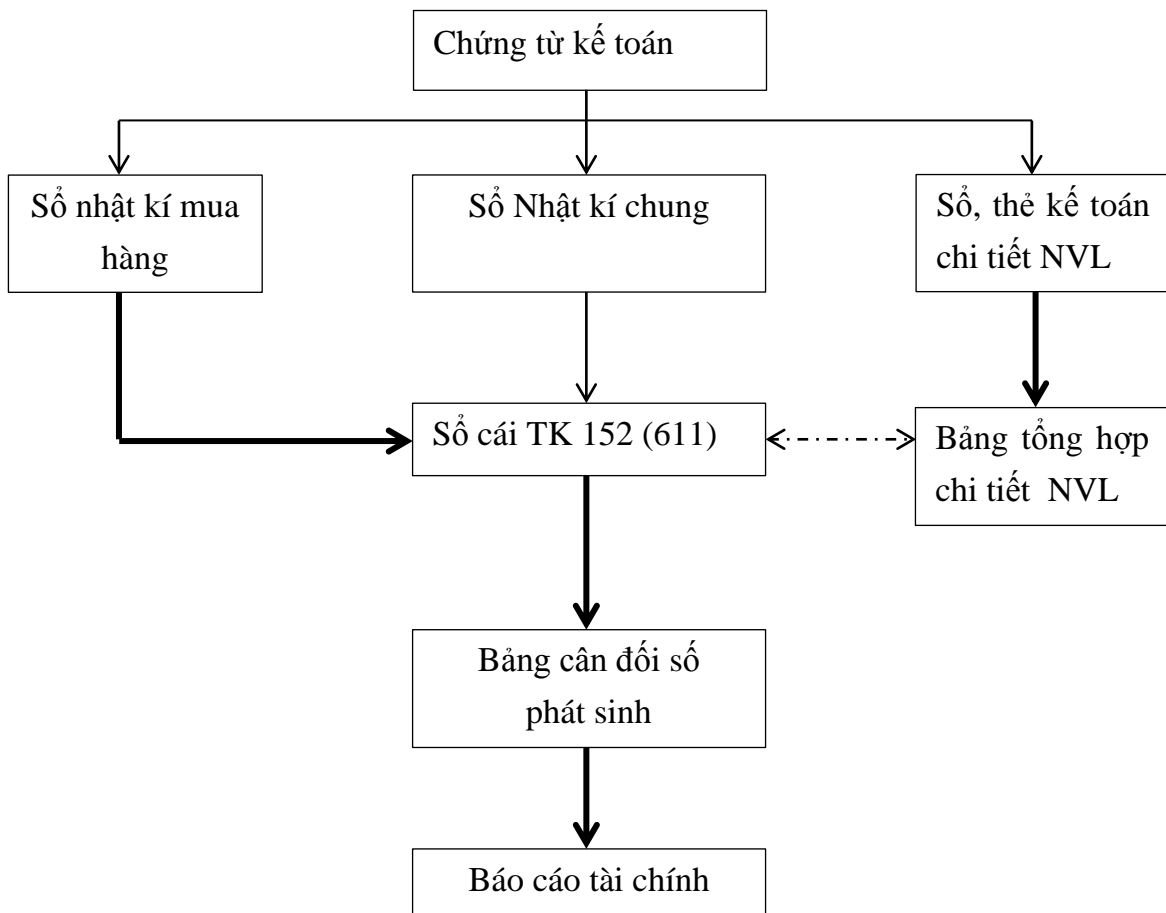
Chú thích:

- > Ghi hàng ngày
- > Ghi cuối kỳ
- - - - -> Đối chiếu số liệu

Hình thức này có ưu điểm là đơn giản, dễ ghi chép các nghiệp vụ và kiểm tra đối chiếu. Nhược điểm của hình thức này là khó phân công nhiệm vụ các kế toán viên. Đồng thời, với những công ty quy mô vừa và lớn, nhiều nghiệp vụ sẽ làm sổ công kênh và khó bảo quản, lưu trữ. Hình thức này thích hợp với các đơn vị sự nghiệp và ở những doanh nghiệp nhỏ sử dụng ít tài khoản kế toán.

1.7.2. Hình thức Nhật kí chung

Sơ đồ 1.5 : Trình tự ghi sổ kế toán NVL theo hình thức Nhật kí chung



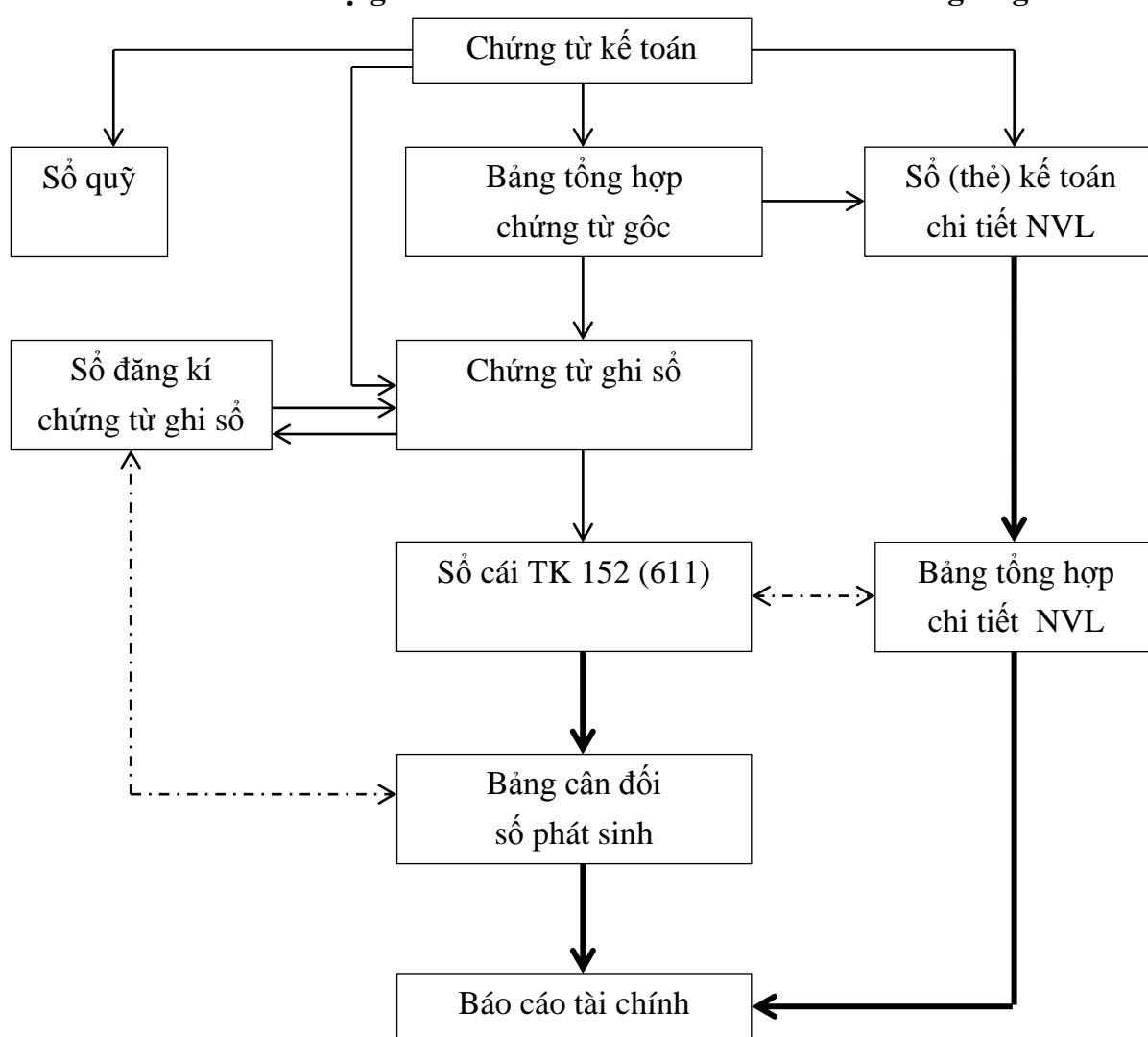
Chú thích:

- > Ghi hàng ngày
- > Ghi cuối kỳ
- - - - -> Đối chiếu số liệu

Hình thức này có ưu điểm là mẫu sổ đơn giản, dễ ghi chép, thuận tiện cho phân công nhiệm vụ trong phòng kế toán. Nhưng có nhược điểm là ghi chép trùng lặp nhiều. Hình thức nhật ký chung được sử dụng rộng rãi ở các doanh nghiệp, các đơn vị sự nghiệp có quy mô lớn, đặc biệt là các doanh nghiệp sử dụng máy vi tính trong công tác kế toán.

1.7.3. Hình thức Chứng từ ghi sổ

Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán NVL theo hình thức Chứng từ ghi sổ



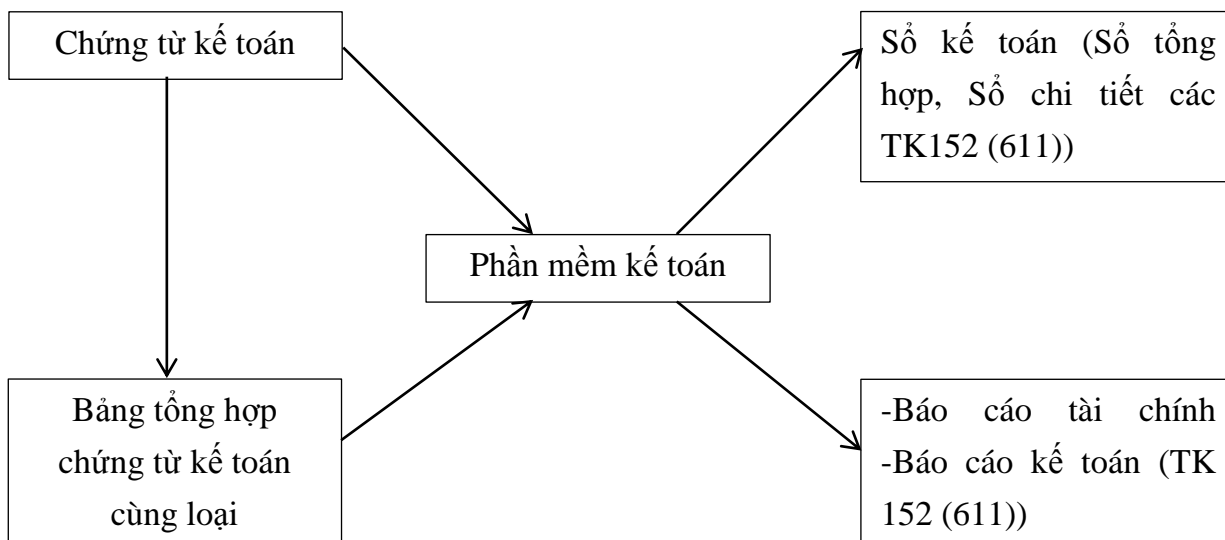
Chú thích:

- > Ghi hàng ngày
- > Ghi cuối kỳ
- - - - -> Đối chiếu số liệu

Hình thức ghi sổ này đòi hỏi cần có chứng từ ghi sổ, sổ đăng kí chứng từ ghi sổ, sổ cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết. Chính vì vậy, hình thức này có ưu điểm rất lớn là đơn giản, dễ ghi chép, thuận lợi cho việc phân công lao động bộ phận kế toán. Nhưng nhược điểm lớn nhất của hình thức này là ghi chép nghiệp vụ trùng lặp, khối lượng công việc lớn và việc kiểm tra đối chiếu cuối kỳ sẽ rất khó khăn. Hình thức này thích hợp với mọi loại hình đơn vị, thuận tiện cho việc áp dụng máy tính. Tuy nhiên, việc ghi chép bị trùng lặp nhiều nên việc lập báo cáo dễ bị chậm trễ nhất là trong điều kiện thủ công.

1.7.4. Hình thức kế toán trên máy vi tính

Sơ đồ 1.7: Trình tự ghi sổ kế toán NVL theo hình thức Kế toán trên máy vi tính



Chú thích:

- > Ghi hàng ngày
- > Ghi cuối kỳ
- - - - -> Đối chiếu số liệu

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán trong quy định trên. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của hình thức kế toán trên máy vi tính: Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không bắt buộc hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi thủ công.

Chương 1 đã đưa ra những lý luận chung về kế toán nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp sản xuất bao gồm những khái quát chung về nguyên vật liệu, nội dung kế toán nguyên vật liệu, kiểm kê và lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho và các hình thức ghi sổ kế toán. Đây cũng là tiền đề để em viết tiếp chương 2 khóa luận với nội dung **“Thực trạng kế toán nguyên vật liệu tại công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Minh Quân”**.

CHƯƠNG 2:

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI MINH QUÂN

2.1. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI MINH QUÂN

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty

- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI MINH QUÂN
- Tên giao dịch quốc tế: MINH QUAN INVESTMENT AND TRADING JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: MINH QUAN JSC.
- Địa chỉ trụ sở chính: 17A Đa Sỹ, Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Hà Nội
- Địa chỉ nhà máy: Khu công nghiệp Vĩnh Tuy
- Điện thoại: 033.3628648 Fax: 033.3628648
- Người đại diện theo pháp luật: Giám đốc Trần Minh
- Mã số thuế: 0104846189
- Vốn điều lệ: 127.745.880.000 VNĐ
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty CP Đầu tư & Thương mại Minh Quân, số doanh nghiệp 5700493198, đăng ký ngày 02 tháng 01 năm 2010.

Công ty CP Đầu tư và Thương mại Minh Quân là đơn vị hạch toán độc lập, có tư cách pháp nhân, được mở tài khoản tại ngân hàng và có con dấu riêng, thực hiện một số chức năng chính là sản xuất và buôn bán các sản phẩm gia công, may mặc.

2.1.2. Định hướng, tầm nhìn, sứ mệnh và đặc điểm ngành nghề kinh doanh của Công ty

- **Định hướng** của công ty là trở thành một tập đoàn kinh tế mạnh trên cơ sở **củng cố và phát triển thương hiệu. Điều đó được thể hiện bằng các chính sách:**
 - + Thỏa mãn nhu cầu và mong đợi của khách hàng.
 - + Tăng cường tinh thần trách nhiệm, tính chủ động, sáng tạo, phát huy tối đa tiềm năng và lợi thế của Công ty.
 - + Đảm bảo môi trường ngày càng xanh, sạch, đẹp.
 - + Vì lợi ích của mỗi thành viên và cộng đồng.
 - + Xây dựng công ty trở thành một điển hình văn hóa Doanh nghiệp.
- **Tầm nhìn:**
 - + Mang lại giá trị cho khách hàng, vì khách hàng chính là người mang lại nguồn lợi cho doanh nghiệp, mang lại sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Không

những thế công ty còn thoả mãn nhu cầu của khách hàng và đem lại sự hài lòng cho khách hàng khi sử dụng sản phẩm và dịch vụ của công ty.

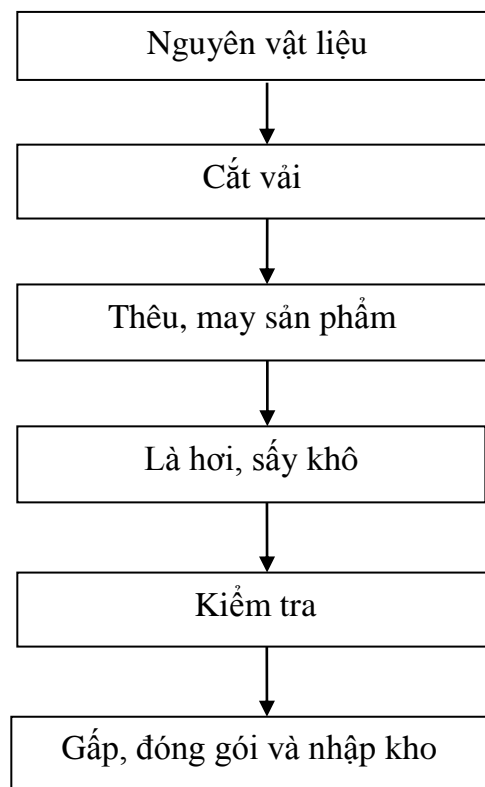
+ Mang lại giá trị đích thực cho người lao động, họ là những người đang ngày đêm tạo ra những sản phẩm, dịch vụ đưa đến tay khách hàng, họ chính là đại diện cho công ty tiếp xúc với khách hàng. Công ty đã tạo nhiều điều kiện thuận lợi chăm lo đời sống, có chính sách thu nhập đãi ngộ, đào tạo nâng cao kiến thức tay nghề đối với người lao động.

+ Mang lại giá trị cho cộng đồng, xã hội,...

- **Sứ mệnh:** Công ty đã được người tiêu dùng tin tưởng và hội đủ các yếu tố cần thiết là tạo được năng lực cạnh tranh trên thị trường trong nước cũng như thị trường xuất khẩu. Điều đó đem lại cho công ty nhiều lợi thế trên thị trường, công ty rất mong muốn là đối tác tin cậy của các doanh nghiệp, các tập đoàn lớn trong và ngoài nước, luôn làm khách hàng hài lòng hơn cả mong đợi, luôn khuyến khích và tạo nhiều cơ hội để mọi thành viên trong công ty phát huy tài năng cũng như năng lực sở trường để góp sức xây dựng công ty và cho cuộc sống gia đình các thành viên.

- **Đặc điểm ngành nghề kinh doanh:** Công ty CP Đầu tư và Thương mại Minh Quân hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, gia công hàng may mặc, phục vụ nhu cầu của người tiêu dùng. Ngày nay, người tiêu dùng ngày càng quan tâm tới tính thời trang và chất lượng sản phẩm, vì vậy công ty không ngừng nghiên cứu, tìm hiểu thị trường để cho ra những mẫu quần áo hợp thời trang và chất lượng đường may cao. Quy trình công nghệ, máy móc của công ty luôn được quan tâm đầu tư bởi vì nó ảnh hưởng tới chất lượng sản phẩm đầu ra. Các sản phẩm của công ty chủ yếu được sản xuất theo đơn đặt hàng của khách hàng, ngoài ra công ty sản xuất mẫu mã mới để chào bán trên thị trường nhằm thu hút nhiều khách hàng hơn nữa. Quy trình sản xuất như sau:

Sơ đồ 2.1: Quy trình sản xuất chung của Công ty



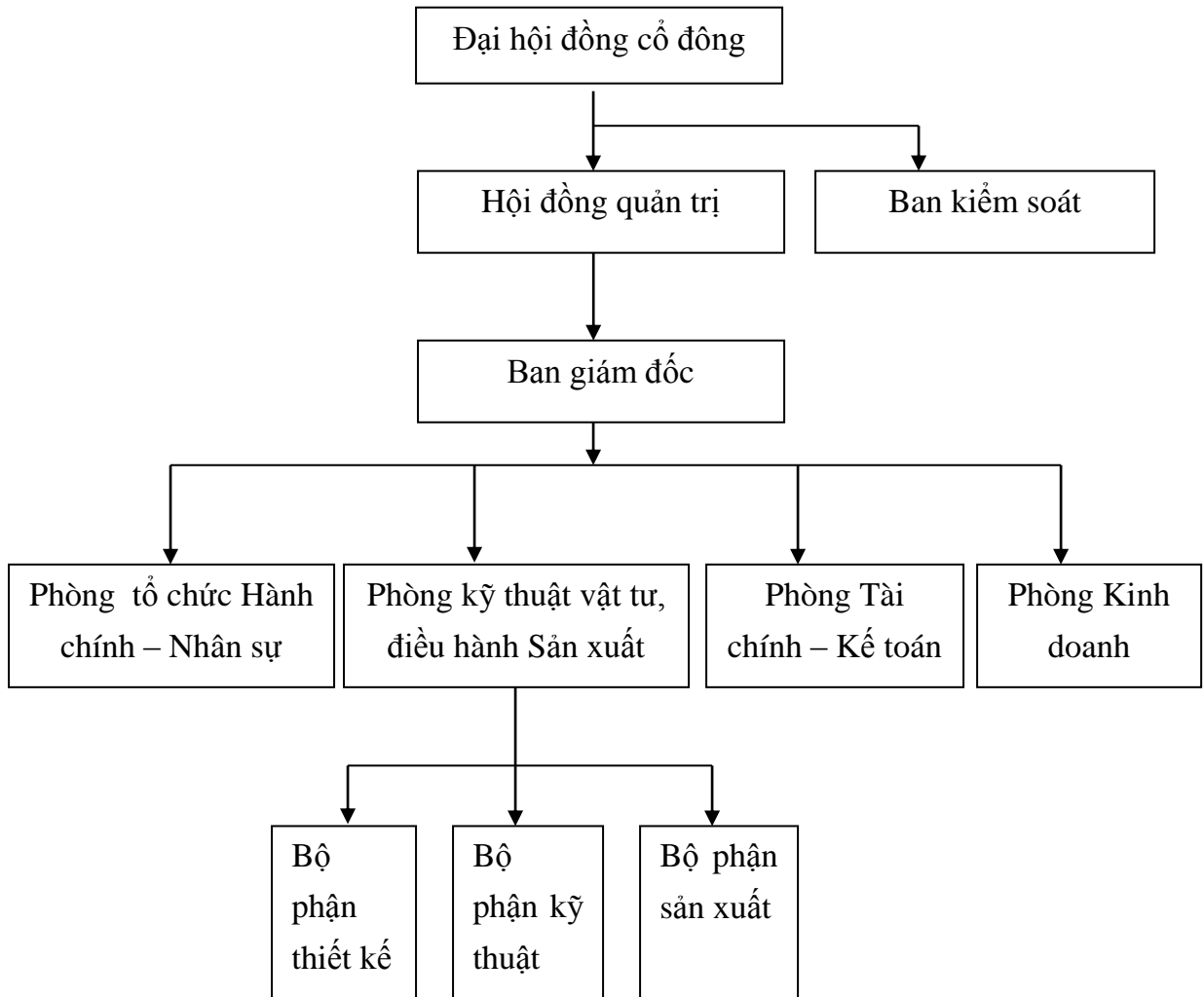
(Nguồn: Phòng kỹ thuật vật tư, điều hành sản xuất)

Quy trình sản xuất chung của công ty bao gồm sáu bước: Chuẩn bị nguyên vật liệu, cắt vải, thêu may sản phẩm, là hơi sấy khô, kiểm tra và gấp đóng gói nhập kho. Trong đó bước chuẩn bị nguyên vật liệu là khá quan trọng bởi vì chi phí về nguyên vật liệu chiếm đến 60% trong chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm và ảnh hưởng đến quá trình sản xuất khi không cung cấp nguyên vật liệu kịp thời. Nguyên vật liệu được kiểm tra trước khi đưa vào sản xuất. Nguyên vật liệu phải đảm bảo các tiêu chuẩn cần thiết về màu sắc, kích thước theo bản thiết kế.

2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của Công ty

Công ty CP đầu tư và thương mại Minh Quân là Công ty chuyên sản xuất các sản phẩm may mặc, Công ty thực hiện chế độ tự chủ về sản xuất kinh doanh trong phạm vi pháp luật quy định, thực hiện theo chế độ quyền làm chủ tập thể của cán bộ công nhân viên. Với đặc điểm trên Công ty cần có một bộ máy quản lý thống nhất, gọn nhẹ có trình độ và năng lực để đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển của công ty trong nền kinh tế thị trường đầy năng động. Theo đó Công ty đã tổ chức bộ máy quản lý của mình theo hình thức tập trung với sơ đồ như sau:

Sơ đồ 2.2: Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty



(Nguồn: Phòng tổ chức hành chính nhân sự)

Nhiệm vụ của từng bộ phận, phòng ban:

- **Đại hội đồng cổ đông:** Là cơ quan có quyền lực cao nhất của công ty, có quyền quyết định, tổ chức lại và giải thể công ty, định hướng phát triển công ty, có quyền bổ nhiệm thành viên mới cũng như miễn nhiệm, cắt chức. Bao gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.

- **Hội đồng quản trị:** là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.

- **Ban kiểm soát:** thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban giám đốc trong quản lý và điều hành công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực trong quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh.

Ban giám đốc của Công ty CP đầu tư và thương mại Minh Quân: chịu trách nhiệm chỉ đạo, điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh toàn Công ty.

- **Giám đốc:** có nhiệm vụ quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày, ban hành quy chế quản lý nội bộ Công ty.

- **Phó giám đốc:** bao gồm 2 phó giám đốc, là người trợ giúp cho giám đốc chỉ đạo một cách trực tiếp tới các bộ phận sản xuất và quản lý các phòng ban trong Công ty. Phó giám đốc chịu trách nhiệm trước giám đốc về nhiệm vụ được giao.

Công ty CP đầu tư và thương mại Minh Quân có 4 phòng chức năng:

- **Phòng tổ chức hành chính nhân sự:** là bộ phận tổ chức sắp xếp nhân sự theo từng bộ phận trong công ty, tổ chức công tác tuyển dụng lao động, quản lý hồ sơ nhân viên trong công ty, giải quyết các chế độ chính sách về bảo hiểm xã hội, y tế. Tiếp nhận hồ sơ và quản lý hồ sơ người lao động, đánh giá sử dụng lao động và thực hiện các quyền lợi của người lao động. Đảm bảo cho đời sống cán bộ công nhân viên được đầy đủ về tinh thần.

- **Phòng kỹ thuật vật tư, điều hành sản xuất:** chịu trách nhiệm kiểm tra, theo dõi, đơn đốc và tham mưu giúp Ban giám đốc về lĩnh vực quản lý, sử dụng phương tiện, máy móc, thiết bị, vật tư trong toàn công ty. Tham mưu công tác xây dựng quy định các phương pháp thử nghiệm và kiểm tra chất lượng của nguyên vật liệu, CCDC, hàng hóa mua về. Tổ chức, lãnh đạo và chỉ đạo sản xuất toàn bộ nhân viên, công nhân xưởng thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ mà Công ty đã giao.

- **Phòng tài chính kế toán:** tham mưu cho giám đốc về công tác tài chính kế toán phục vụ cho hoạt động kinh doanh trong công ty. Chịu trách nhiệm trước tổng giám đốc công ty về công tác tài chính kế toán của công ty. Tổ chức mạng lưới thống kê ghi chép số liệu, tính giá thành thực tế các loại sản phẩm, thực hiện hạch toán nội bộ, thực hiện thu chi, lập các báo cáo về tài chính kế toán, quản lý, lưu trữ và giữ bí mật tài liệu kế toán theo đúng quy định của công ty và Nhà nước. Tổ chức phổ biến, hướng dẫn các đơn vị trong công ty và thi hành kịp thời các chế độ về tài chính kế toán của công ty và Nhà nước.

- **Phòng kinh doanh:** có chức năng tham mưu cho Ban giám đốc quản lý các lĩnh vực: Công tác xây dựng kế hoạch, chiến lược, công tác lập dự toán, công tác quản lý hợp đồng kinh tế, công tác thanh quyết toán hợp đồng kinh tế, thực hiện các nhiệm vụ khác do Ban giám đốc giao. Điển hình như bán hàng, quản lý kho hàng, tổ chức dịch vụ sau bán hàng.

Ngoài ra, trong các phòng còn có các bộ phận thực hiện các nhiệm vụ:

- **Bộ phận thiết kế:** có nhiệm vụ thường xuyên nghiên cứu, đưa ra các mẫu mã mới phù hợp với sự phát triển nói chung của ngành, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng và hướng dẫn bộ phận sản xuất theo mẫu đã thiết kế.

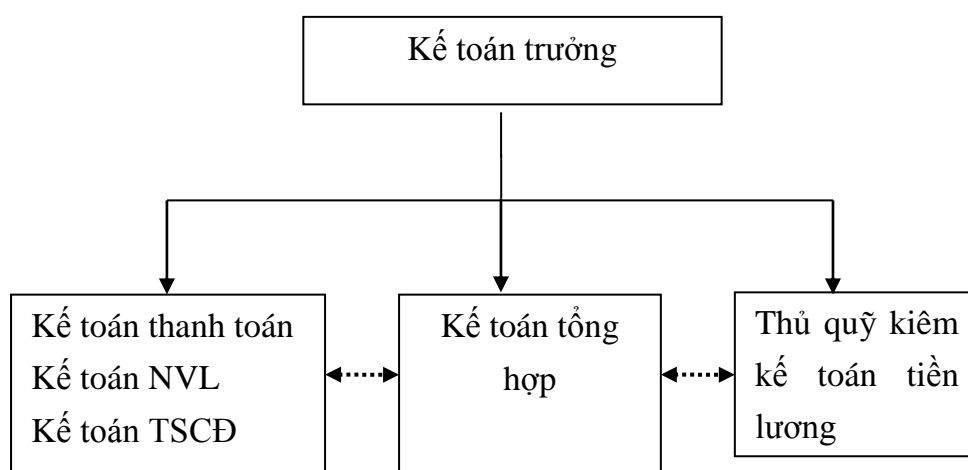
- **Bộ phận kỹ thuật:** quản lý công tác kỹ thuật như cắt mẫu trước khi đưa vào dây chuyền sản xuất, nghiên cứu đổi mới máy móc theo yêu cầu của công nghệ đáp ứng sự phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty, kiểm tra tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm tại các khâu của quá trình sản xuất.

- **Bộ phận sản xuất:** Xây dựng các kế hoạch sản xuất. Lập, dự trữ về vật tư, thiết bị lao động và phân bổ kế hoạch sản xuất cho các đơn vị sản xuất.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán

Từ đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty, bộ máy kế toán được tổ chức theo mô hình kế toán tập trung nghĩa là toàn bộ công việc kế toán được thực hiện tại phòng Tài chính - Kế toán, ở các bộ phận dưới không tổ chức kế toán riêng mà chỉ có các tổ trưởng ghi chép sổ sách, chứng từ rồi chuyển về phòng kế toán để xử lý và hạch toán.

Sơ đồ 2.3: Tổ chức bộ máy kế toán



Ghi chú:

- > Quan hệ chỉ đạo
- <-----> Quan hệ cung cấp số liệu

(Nguồn: Phòng tổ chức hành chính nhân sự)

- **Kế toán trưởng:** Là người đứng đầu, phụ trách chung cho mọi hoạt động tại phòng kế toán. Có nhiệm vụ tổ chức thực hiện toàn bộ công tác kế toán, thống kê, tài chính ở Công ty, thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát toàn bộ hoạt động kinh tế, tài chính ở Công ty.

- **Kế toán thanh toán, nguyên vật liệu kiêm kế tài sản cố định:** ghi chép, phản ánh số hiện có và tình hình biến động của các khoản công nợ, ghi chép kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết tài sản cố định, CCDC, nguyên vật liệu, tính khấu hao tài sản cố định, phân bổ CCDC, tính trị giá vốn nguyên vật liệu xuất kho.

- **Kế toán tổng hợp:** ghi chép kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết chi phí sản xuất trực tiếp phát sinh trong kỳ và tính giá thành sản xuất của sản phẩm.

- **Thủ quỹ kiêm kế toán tiền lương:** quản lý lượng tiền mặt tại quỹ của công ty, theo dõi tình hình nhập- xuất - tồn quỹ tiền mặt, kiểm kê quỹ và lập báo cáo nhập, xuất, tồn quỹ tiền mặt, ghi sổ các khoản thu chi tiền mặt khi tiếp nhận chứng từ hợp lệ

có đầy đủ chữ ký của Giám đốc và Kế toán trưởng. Thực hiện chấm công nhân viên và cuối kỳ, căn cứ vào bảng chấm công và đơn giá tiền công tính tiền lương phải trả cho người lao động và các khoản phải trích theo lương: BHXH, BHYT, BHTN và kinh phí công đoàn.

2.1.5. Chính sách kế toán áp dụng

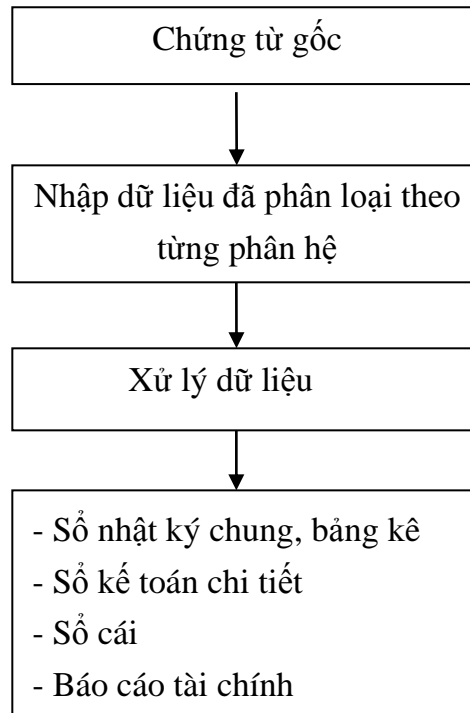
Hiện nay, Công ty CP đầu tư và thương mại Minh Quân đang hạch toán theo chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ quyết định 48/2006/QĐ - BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Niên độ kế toán: bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
- Kỳ kế toán: tháng.
- Phương pháp tính giá vốn xuất kho: phương pháp Nhập trước – Xuất trước.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên
- Phương pháp tính thuế GTGT: phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp trích khấu hao TSCĐ: áp dụng trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Công ty sử dụng phần mềm kế toán FAST ACCOUTING theo hình thức sổ Nhật ký chung, đây là hình thức kế toán đơn giản phù hợp với đặc điểm của Công ty và thuận tiện trong việc áp dụng máy vi tính. Công ty đã căn cứ vào các yêu cầu cụ thể của mình, căn cứ vào các quy định có tính bắt buộc, quy định có tính hướng dẫn của Nhà nước để thiết kế những mẫu sổ phù hợp phù hợp với máy vi tính đảm bảo nhân viên kế toán nhập số liệu đầy đủ. Công ty sử dụng phần mềm FAST ACCOUTING trong kế toán nhờ đó mà giảm bớt khối lượng công việc của kế toán tăng hiệu quả công việc và phục vụ thông tin cho lãnh đạo kịp thời, công tác kế toán cũng được giảm nhẹ.

Phần mềm FAST ACCOUTING là phần mềm được bảo mật các chi tiết về từng chứng từ, từng báo cáo, từng danh mục cũng như từng bộ phận. Các số liệu đều được mã hóa và bảo mật để loại trừ khả năng bị lộ dữ liệu. Phần mềm có thể thiết kế để cho người sử dụng chỉ có thể xem hoặc in các dữ liệu đã được khóa sổ nhưng không thể sửa, xóa các dữ liệu đó được.

Sơ đồ 2.4: Quy trình xử lý nghiệp vụ của phần mềm FAST



(Nguồn: Phòng tài chính kế toán)

2.2. THỰC TRẠNG KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI MINH QUÂN

2.2.1. Đặc điểm và phân loại nguyên vật liệu tại Công ty

2.2.1.1. Đặc điểm nguyên vật liệu tại Công ty

Xuất phát từ đặc điểm tổ chức sản xuất của Công ty là Công ty chuyên sản đồ may mặc sẵn phục vụ trong và ngoài nước, chủng loại sản phẩm rất phong phú và đa dạng, nhiều mẫu mã và kích cỡ nên Công ty phải sử dụng nhiều loại vật liệu khác nhau như các loại vải và phụ kiện khác như các loại chỉ, cúc, khóa, khuy, móc, băng gai, chun, mex, nhiên liệu các loại như xăng dầu máy để sản xuất các loại sản phẩm có quy cách mẫu mã khác nhau.

Hiện nay, các vật liệu dùng cho công nghệ may của Công ty có sẵn trên thị trường, giá cả ít biến động. Đây cũng là một điều kiện thuận lợi để Công ty đỡ phải dự trữ nhiều nguyên vật liệu trong kho.

Công ty CP đầu tư và thương mại Minh Quân có đặc điểm là sản xuất theo đơn đặt hàng của khách hàng, căn cứ vào đơn đặt hàng Công ty tiến hành khai thác nguyên vật liệu để tiến hành sản xuất. Làm như vậy để đảm bảo cung cấp đầy đủ nguyên vật liệu cho sản xuất, vừa tránh tình trạng mua nhiều làm ứ đọng trong kho, gây thiệt hại đến giá trị sản phẩm khi sản xuất ra và tránh được tình trạng thiếu vật liệu gây gián đoạn cho quá trình sản xuất, đồng thời gây ứ đọng vốn lưu động làm cho sản xuất kinh doanh kém hiệu quả.

Đối với vật liệu chính là vải Công ty phải tìm mua tùy theo yêu cầu của đối tác đặt hàng. Việc lựa chọn số lượng và chất lượng nguyên vật liệu được căn cứ vào định mức tiêu hao và tiêu chuẩn kỹ thuật cho phép do bộ phận kỹ thuật lập cho mỗi đơn đặt hàng. Việc tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm cần chú trọng đến việc cung ứng nguyên vật liệu đầu vào. Việc cung ứng nguyên vật liệu đầu vào đòi hỏi phải đúng tiến độ, chủng loại, đúng khối lượng và chất lượng đảm bảo cho sản phẩm tới tay người tiêu dùng vẫn còn nguyên giá trị như thiết kế.

Do đặc thù của nguyên vật liệu dễ bị ẩm mốc, ố, bụi mùn nên đòi hỏi Công ty phải có kho hàng đủ tiêu chuẩn theo quy định để việc bảo quản vật tư đúng yêu cầu kỹ thuật không gây ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sản phẩm.

2.2.1.2. Phân loại nguyên vật liệu tại Công ty

Trong Công ty vật liệu bao gồm nhiều thứ, nhiều chủng loại khác nhau về công dụng, tính năng lý hóa, phẩm cấp chất lượng. Mặt khác, nguyên vật liệu lại thường xuyên biến động, do đó để quản lý và hạch toán nguyên vật liệu cần thiết phải tiến hành phân loại vật liệu. Trên cơ sở kết quả phân loại, tùy thuộc vào công dụng, tính năng, vai trò, tác dụng của từng thứ, từng loại nguyên vật liệu mà có biện pháp quản lý hạch toán cho phù hợp.

Căn cứ vào yêu cầu quản lý, căn cứ vào nội dung kinh tế và công dụng của từng thứ vật liệu trong sản xuất kinh doanh, vật liệu tại Công ty CP đầu tư và thương mại Minh Quân được chia thành các loại như sau:

- **Nguyên vật liệu chính:** vải cotton, vải dạ, vải dệt kim, vải voan ren, vải thô gai,... số lượng vải nhiều, mỗi loại có màu sắc kích cỡ khác nhau.
- **Vật liệu phụ:** gồm chỉ, khóa, cúc các loại, mex, vải lót...
- **Phụ tùng thay thế:** gồm các loại phụ tùng chi tiết để thay thế sửa chữa máy móc, thiết bị sản xuất, phương tiện vận tải như: dây curoa máy khâu, kim máy khâu.
- **Phế liệu:** là các loại vật liệu loại ra trong quá trình sản xuất ra sản phẩm như các loại vải vụn, các loại quần áo không đúng quy cách chất lượng, không đạt yêu cầu bị loại ra khỏi quá trình sản xuất.

Như vậy việc phân loại nguyên vật liệu ở Công ty CP đầu tư và thương mại Minh Quân nói chung là phù hợp với đặc điểm và vai trò và tác dụng của mỗi thứ trong sản xuất kinh doanh, giúp cho nhà quản lý được dễ dàng hơn. Dựa trên cơ sở phân loại này giúp Công ty theo dõi được số lượng từng vật liệu chính, vật liệu phụ, phụ tùng thay thế, từ đó đề ra phương thức quản lý phù hợp.

2.2.2. Tổ chức quản lý nguyên vật liệu tại Công ty

Từ những đặc điểm và cách phân loại nguyên vật liệu tại Công ty, ta thấy vị trí quan trọng của nguyên vật liệu trong việc cấu thành nên sản phẩm. Bên cạnh đó, chi phí về nguyên vật liệu chiếm đến 60% trong chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh sẽ bị ảnh hưởng nếu việc cung cấp nguyên vật liệu không đầy đủ, kịp thời. Chất lượng của sản phẩm cũng phụ thuộc rất nhiều vào chất lượng của nguyên vật liệu làm ra nó. Do vậy, để sản xuất được những sản phẩm tốt, thoả mãn được nhu cầu của khách hàng cần phải có những nguyên vật liệu có chất lượng cao đảm bảo đúng quy cách chủng loại. Vì vậy, cần tổ chức quản lý nguyên vật liệu để đảm bảo chất lượng nguyên vật liệu và chất lượng sản phẩm. Tại Công ty CP đầu tư và thương mại Minh Quân quản lý nguyên vật liệu ở các khâu:

- **Tình hình thu mua:** nguyên vật liệu của Công ty đều là mua ngoài, khi nhận được đơn đặt hàng từ khách hàng, Công ty căn cứ vào mẫu mã, số lượng theo đơn đặt hàng tính toán những nguyên vật liệu cần mua và số lượng mua. Đối với các loại vải nguyên vật liệu chính, Công ty đã ký hợp đồng với các nhà cung cấp nhiều năm nên tạo được uy tín với nhà cung cấp, vì vậy nguyên vật liệu luôn được cung cấp đúng thời gian và yêu cầu. Còn đối với các vật liệu phụ như cúc, chỉ, khóa dây,...được công ty tiến hành mua theo tháng.

- **Tình hình sử dụng:** Công ty luôn có sự tính toán tỉ lệ và sự khuyến khích nhân viên sử dụng tiết kiệm nguyên vật liệu để từ đó giảm chi phí sản xuất kinh doanh và phần nào tạo nếp văn hóa chung trong Công ty. Công ty đã xây dựng được định mức tiêu hao cho nguyên vật liệu, tuy nhiên nó chưa được quản lý toàn diện (doanh nghiệp chủ yếu quản lý nguyên vật liệu chính). Bên cạnh đó, Công ty có tiến hành thu hồi phế liệu nhưng không tổ chức hạch toán số phế liệu này.

- **Tình hình bảo quản, dự trữ:** Công ty đã đầu tư xây dựng hệ thống kho được trang bị đầy đủ các trang thiết bị cân đo, thiết bị phòng cháy chữa cháy an toàn hiện đại. Bên cạnh đó, nhân viên thủ kho chăm chỉ, có tinh thần trách nhiệm nên các thủ tục nhập – xuất kho được thực hiện chính xác và đầy đủ.

2.2.3. Tính giá nguyên vật liệu tại Công ty

2.2.3.1. Tính giá nguyên vật liệu nhập kho

Ở Công ty, nguồn nhập nguyên vật liệu là mua ở trong nước. Nguyên vật liệu nhập kho được phản ánh theo giá thực tế gồm giá mua và chi phí thu mua. Công ty tính giá nguyên vật liệu mua ngoài nhập kho theo công thức:

$$\begin{array}{l}
 \text{Trị giá thực} \\
 \text{tế NVL nhập} \\
 \text{kho}
 \end{array}
 =
 \begin{array}{l}
 \text{Trị giá mua} \\
 \text{ghi trên hoá} \\
 \text{đơn}
 \end{array}
 +
 \begin{array}{l}
 \text{Chi phí phát} \\
 \text{sinh khi mua}
 \end{array}
 -
 \begin{array}{l}
 \text{Các khoản trả lại,} \\
 \text{giảm giá, chiết} \\
 \text{khấu thương mại} \\
 \text{(nếu có)}
 \end{array}$$

Trong đó:

- Trị giá mua ghi trên hóa đơn: doanh nghiệp áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và sản xuất kinh doanh mặt hàng chịu thuế GTGT nên không được tính thuế GTGT vào giá thực tế của nguyên vật liệu.

- Chi phí phát sinh khi mua: bao gồm chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản, phân loại, bảo hiểm, chi phí thuê kho, thuê bãi.

- Các khoản trả lại, giảm giá, chiết khấu thương mại: trả lại, giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ do công ty mua phải nguyên vật liệu kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu. Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho công ty khi mua với số lượng lớn.

Ví dụ: Ngày 10/06/2013, anh Huy của Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Minh Quân mua 500 m vải cotton với đơn giá chưa thuế GTGT là 54.5000đồng/m. Thuế GTGT 10% (theo hóa đơn GTGT số 0000578 của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phương Thảo). Chi phí vận chuyển, bốc dỡ do bên mua chịu là 1.200.000 đồng (chưa bao gồm thuế GTGT 10%), chi phí vận chuyển cũng đã thanh toán bằng tiền mặt, tiền hàng đã thanh toán bằng chuyển khoản cho nhà cung cấp. Công ty tính giá của lô nguyên vật liệu nhập kho:

$$\begin{aligned}\text{Giá thực tế} &= \text{Giá mua (không có thuế GTGT)} + \text{chi phí vận chuyển} \\ &= \text{Số lượng} \times \text{đơn giá} + \text{chi phí vận chuyển} \\ &= 500 \times 54.500 + 1.200.000 \\ &= 28.450.000 \text{ đồng}\end{aligned}$$

2.2.3.2. *Tính giá nguyên vật liệu xuất kho*

Công ty chủ yếu xuất kho dùng cho sản xuất, Công ty đã lựa chọn phương pháp Nhập trước - Xuất trước để tính giá trị nguyên vật liệu xuất kho. Theo phương pháp này, dựa trên cơ sở giả định nguyên vật liệu nào nhập trước sẽ được xuất dùng trước, xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau theo đơn giá của từng lô nguyên vật liệu.

Bảng 2.1: Các nghiệp vụ nhập xuất vải cotton trong tháng 6

Ngày/tháng	Chứng từ	Nội dung	Số lượng (m)	Đơn giá (đồng/m)
1/6		Tồn kho đầu kỳ	352,5	55.000
5/6	PX 110	Xuất phục vụ SX	250	55.000
10/6	PN 89	Nhập mua	500	56.900
15/6	PX 120	Xuất phục vụ SX	102,5	55.000
15/6	PX 120	Xuất phục vụ SX	247,5	56.900
17/6	PN 95	Nhập mua	1.000	55.120
18/6	PN 99	Nhập mua	500	55.300
27/6	PX 125	Xuất phục vụ SX	252,5	56.900
27/6	PX 125	Xuất phục vụ SX	597,5	55.120
29/6	PX 130	Xuất phục vụ bộ phận bán hàng	50	55.120

(Nguồn: Phòng Tài chính - Kế toán)

Theo ví dụ trên, giá thực tế của vải cotton xuất kho trong tháng 6 được tính tại mỗi lần xuất kho như sau:

Ngày 5/6, giá thực tế xuất kho của 250 mét vải cotton là:

$$250 \times 55.000 = 13.750.000 \text{ đồng}$$

Ngày 15/6, giá thực tế xuất kho của 350 mét vải cotton là:

$$102,5 \times 55.000 + 247,5 \times 56.900 = 19.720.250 \text{ đồng}$$

Ngày 27/6, giá thực tế xuất kho của 252,5 mét vải cotton là:

$$252,5 \times 56.900 + 597,5 \times 55.120 = 47.301.450 \text{ đồng}$$

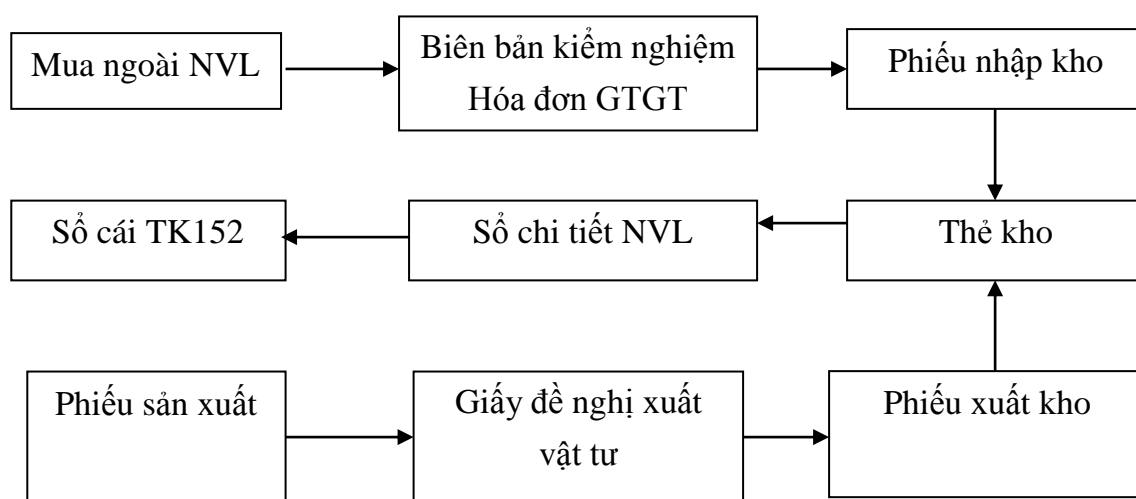
Ngày 29/6, giá thực tế xuất kho của 50 mét vải cotton là:

$$50 \times 55.120 = 2.756.000 \text{ đồng}$$

2.2.4. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu

Kế toán chi tiết nguyên vật liệu là công việc theo dõi về số lượng và giá trị tình hình nhập, xuất, tồn kho của từng loại nguyên vật liệu thông qua sự kết hợp giữa thủ kho và phòng kế toán. Công ty CP đầu tư và thương mại Minh Quân đã chọn phương pháp thẻ song song để thực hiện công tác kế toán chi tiết nguyên vật liệu cho doanh nghiệp mình. Phương pháp này cung cấp cho kế toán những số liệu và thông tin về tình hình nhập, xuất, tồn nguyên vật liệu một cách kịp thời và chính xác, mang lại hiệu quả trong công tác quản lý.

Sơ đồ 2.5: Quy trình kế toán chi tiết nguyên vật liệu



(Nguồn: Phòng Tài chính - Kế toán)

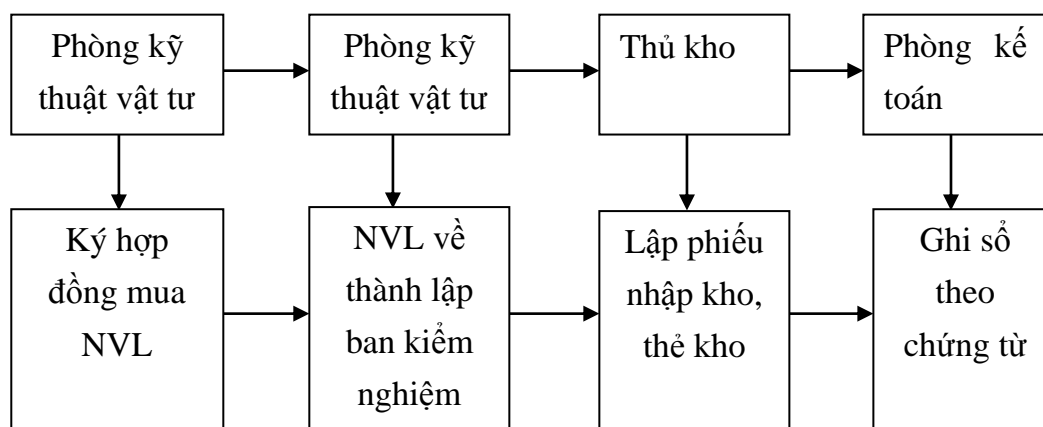
2.2.4.1. Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu của doanh nghiệp đều là do mua ngoài, vì vậy công ty sử dụng các chứng từ như sau:

- Hợp đồng mua nguyên vật liệu
- Hóa đơn giá trị gia tăng (Mẫu 01 – GTKT-3LL)
- Phiếu nhập kho (Mẫu 01 – VT)
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư (mẫu số 05-VT)

Quy trình nhập kho nguyên vật liệu:

Sơ đồ 2.6: Quy trình nhập kho nguyên vật liệu



(Nguồn: Phòng Tài chính - Kế toán)

Căn cứ vào hóa đơn hoặc giấy báo nhận hàng tiến hành thủ tục nhập kho và tiến hành lập phiếu nhập kho. Trong trường hợp kiểm nhận, nếu phát hiện vật tư thừa thiếu, mất phẩm chất, không đúng quy cách đã ghi trên chứng từ thì thủ kho phải báo ngay

cho phòng kinh doanh biết cùng với kế toán nguyên vật liệu, lập biên bản xử lý (có xác nhận của người mua hàng). Thông thường người bán giao hàng tại kho, thì chỉ nhập kho vật tư, kho hàng hóa đủ phẩm chất, chủng loại, số còn lại trả lại cho người bán. Phiếu nhập kho được lập thành 3 liên:

- + Liên 1: do thủ kho lập phiếu giữ.
- + Liên 2: thủ kho ghi thẻ kho sau đó chuyển cho kế toán nguyên vật liệu.
- + Liên 3: kèm theo hóa đơn để thanh toán.

Ngoài ra, đối với phế liệu thu hồi từ quá trình sản xuất: những phế liệu như vải vụn, dây khóa hỏng,...được nhập kho chờ thanh lý nhưng không lập phiếu nhập kho. Kế toán chỉ ghi nhận số tiền khi số phế liệu đó được bán.

Bảng 2.2: Hóa đơn giá trị gia tăng

HOÁ ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu: PT/2013			
Liên 2: Giao cho khách hàng		Số: 0000578			
Ngày 10 tháng 06 năm 2013					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH SX và TM Phương Thảo					
Mã số thuế: 0101169475					
Địa chỉ: Số 36 – Tổ 28A – Phường Thanh Lương – Quận Hai Bà Trưng – Hà Nội.					
Số điện thoại: 0439874309			Fax: 0439876959		
Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng: Lê Quang Huy					
Tên đơn vị: Công ty CP ĐT và TM Minh Quân					
Địa chỉ: 17A Đa Sỹ, Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Hà Nội					
Hình thức thanh toán: Chuyển khoản			Mã số thuế: 0104846189		
TT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	B	C	1	2	3= 1x2
	Vải cotton	M	500	54.500	27.250.000
Thuế GTGT: 10%		Cộng tiền hàng			27.250.000
		Tiền thuế GTGT			2.725.000
		Tổng cộng thanh toán			29.975.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi chín triệu, chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn.					

Người mua hàng
(Ký, họ tên)

Người bán hàng
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng Tài chính - Kế toán)

Bảng 2.3: Hóa đơn giá trị gia tăng vận chuyển

HOÁ ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu: TP/2013			
Liên 2: Giao cho khách hàng		Số: 0000478			
Ngày 10 tháng 06 năm 2013					
Đơn vị bán hàng: Công ty CP Dịch vụ và Thương mại Trường Phát					
Mã số thuế: 0102545108					
Địa chỉ: Số 273 – Phạm Văn Đồng – Xuân Đình – Từ Liêm – Hà Nội					
Số điện thoại: 0438387429			Fax: 0438387529		
Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng: Lê Quang Huy					
Tên đơn vị: Công ty CP ĐT và TM Minh Quân					
Địa chỉ: 17A Đa Sỹ, Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Hà Nội					
Hình thức thanh toán: Tiền mặt			Mã số thuế: 0104846189		
TT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	B	C	1	2	3= 1x2
1	Dịch vụ vận chuyển hàng (100 km)	Kg.km	100	12.000	1.200.000
Thuế GTGT: 10%		Cộng tiền hàng			1.200.000
		Tiền thuế GTGT			120.000
		Tổng cộng thanh toán			1.320.000
Số tiền viết bằng chữ: Một triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng chẵn.					

Người mua hàng
(Ký, họ tên)

Người bán hàng
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng Tài chính - Kế toán)

Bảng 2.4: Phiếu chi

Đơn vị: Công ty CP ĐT và TM Minh Quân

Mẫu số 02 – TT

Địa chỉ: 17A Đa Sỹ, Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Hà Nội

Theo QĐ: 48/2006/QĐ – BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ Tài chính

PHIẾU CHI

Ngày 10 tháng 6 năm 2013

Quyển số:06

Số : 35

Nợ: TK1521,133

Có: TK111

Họ tên người nhận tiền: Công ty CP Dịch vụ và Thương mại Trường Phát

Địa chỉ: Công ty CP Dịch vụ và Thương mại Trường Phát

Lý do chi tiền: Thanh toán tiền vận chuyển nguyên vật liệu.

Số tiền: 1.320.000 đồng (viết bằng chữ) *Một triệu, ba trăm hai mươi nghìn đồng chẵn.*

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ) *Một triệu, ba trăm hai mươi nghìn đồng chẵn.*

Ngày 10 tháng 6 năm 2013

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Thủ quỹ	Người nhận tiền
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):

Số tiền quy đổi:

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

Bảng 2.5: Biên bản kiểm nghiệm

Đơn vị: Công ty CP ĐT và TM Minh Quân

Mẫu số 05 – VT

Địa chỉ: 17A Đa Sỹ, Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Hà Nội

Theo QĐ: 48/2006/QĐ – BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ Tài chính

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM

(Vật tư, sản phẩm, hàng hóa)

Ngày 10 tháng 06 năm 2013 Số: 167

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0000578 ngày 10 tháng 06 năm 2013 của Công ty TNHH SX và TM Phương Thảo

- Ban Kiểm nghiệm gồm:

 Ông: Hoàng Văn Giang Trưởng ban

 Ông: Đỗ Ngọc Hưng Ủy viên

 Bà: Nguyễn Thị Thanh Thảo Ủy viên

- Đã kiểm nghiệm các loại:

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư sản phẩm hàng hóa	Mã số	Phương thức kiểm nghiệm	Đơn vị tính	Số lượng theo chứng từ	Kết quả kiểm nghiệm		Ghi chú
						Số lượng đúng quy cách, phẩm chất	Số lượng không đúng quy cách, phẩm chất	
A	B	C	D	E	1	2	3	F
01	Vải cotton		Đo	M	500	500	0	

Ý kiến của ban kiểm nghiệm: Tất cả nguyên vật liệu đều đúng quy cách, phẩm chất đủ điều kiện nhập kho.

Đại diện phòng kỹ thuật

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Trưởng ban

đóng dấu, ghi rõ họ tên

(ký,

(Nguồn: Phòng Tài chính - Kế toán)

Bảng 2.6: Phiếu nhập kho

Mẫu số 01 – VT

Đơn vị: Công ty CP ĐT và TM Minh Quân

Theo QĐ: 48/2006/QĐ – BTC ngày 14

Địa chỉ: 17A Đa Sỹ, Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Hà Nội

tháng 09 năm 2006 của Bộ Tài chính

PHIẾU NHẬP KHO

Quyển số: 06

Ngày 10/06/2013

Số: 89

Nợ TK 1521

Có TK 111, 331

Họ tên người giao: Công ty TNHH SX và TM Phương Thảo

Theo Hóa đơn GTGT số 0000578, 0000478 ngày 10 tháng 06 năm 2013

Kho nhập hàng: Kho nguyên vật liệu.

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư (SP, HH)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn Giá	Thành tiền
				Theo CT	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Vải cotton		M	500	500	56.900	28.450.000
	Cộng						28.450.000

Viết bằng chữ: Hai mươi tám triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng.

Ngày 10 tháng 06 năm 2013

Người lập phiếu
(Đã ký)Người giao hàng
(Đã ký)Thủ kho
(Đã ký)Kế toán trưởng
(Đã ký)

(Nguồn: Phòng Tài chính - Kế toán)

Bảng 2.7: Giấy báo nợ

Ngân hàng TM CP Quân Đội	Mã GDV:
Chi nhánh: Hà Đông, Hà Nội	Mã KH: 165012
	Số GD: 032
GIẤY BÁO NỢ	
Ngày: 10/6/2013	
Kính gửi: Công ty CP ĐT và TM Minh Quân	
Mã số thuế: 0104846189	
Hôm nay chúng tôi xin thông báo đã ghi Nợ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:	
Số tài khoản ghi Nợ: 150670000	
Số tiền bằng số: 29.975.000 VND	
Số tiền bằng chữ: <i>Hai mươi chín triệu, chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng./.</i>	
Nội dung: Thanh toán tiền mua nguyên vật liệu chính cho Công ty TNHH SX và TM Phương Thảo.	
Giao dịch viên	Kiểm soát

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

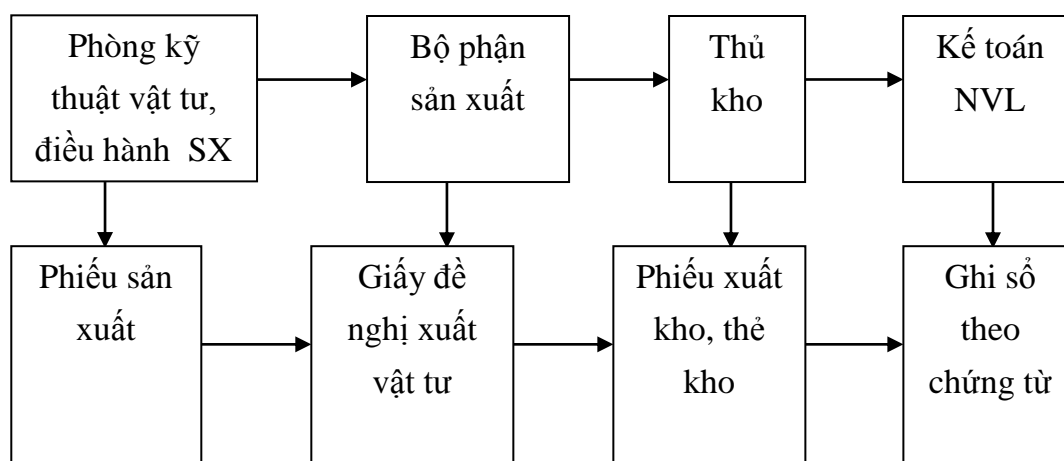
2.2.4.2. Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu

Khi xuất kho nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, doanh nghiệp sử dụng các chứng từ sau:

- Phiếu sản xuất
- Giấy đề nghị xuất nguyên vật liệu
- Phiếu xuất kho nguyên vật liệu (Mẫu 02 – VT)

Quy trình xuất kho nguyên vật liệu:

Sơ đồ 2.7: Quy trình xuất kho nguyên vật liệu



(Nguồn: Phòng Tài chính - Kế toán)

Khi có đơn đặt hàng hay sản xuất mẫu mã mới do bộ phận thiết kế yêu cầu, phòng kỹ thuật vật tư, điều hành sản xuất sẽ tiến hành lập Phiếu sản xuất gồm mã hàng và số lượng, sau đó chuyển cho bộ phận sản xuất. Căn cứ vào đó bộ phận sản xuất sẽ tính toán số nguyên vật liệu cần thiết và lập Giấy đề nghị xuất vật tư, trong đó nêu ra những nguyên vật liệu cần thiết và số lượng cần để sản xuất rồi gửi lên phòng kỹ thuật vật tư, điều hành sản xuất. Sau khi ký duyệt giấy đề nghị xuất vật tư, phòng kỹ thuật vật tư, điều hành sản xuất gửi cho thủ kho. Thủ kho căn cứ vào giấy đề nghị xuất nguyên vật liệu, tiến hành xuất kho và lập phiếu xuất kho nguyên vật liệu rồi gửi lên phòng kế toán.

Phiếu xuất kho được lập thành 3 liên:

- + Liên 1: lưu ở bộ phận lập phiếu.
- + Liên 2: thủ kho giữ để ghi vào thẻ kho sau đó chuyển lên phòng kế toán.
- + Liên 3: lưu cùng phiếu sản xuất.

Bảng 2.8: Phiếu sản xuất

Đơn vị: Công ty CP ĐT và TM Minh Quân

Bộ phận: *Phòng kỹ thuật vật tư, điều hành sản xuất*

PHIẾU SẢN XUẤT

Ngày 15 tháng 06 năm 2012

Số: 65

Lý do lập phiếu: Công ty TNHH Hoàng Hải

Người nhận phiếu: Lê Văn Hưng

STT	Tên hàng	Ký hiệu	Đơn vị tính	Số lượng
1	Áo phong	AP	Chiếc	650
	Cộng			650

Ngày 15 tháng 06 năm 2013

Người lập phiếu

(ký, họ tên)

(*Nguồn: phòng tài chính kế toán*)

Bảng 2.9: Giấy đề nghị xuất vật tư

Đơn vị: CÔNG TY CP ĐT và TM Minh Quân

Bộ phận: *Bộ phận sản xuất*

GIẤY ĐỀ NGHỊ XUẤT VẬT TƯ

Bộ phận: sản xuất

Xuất nguyên vật liệu phục vụ SX theo phiếu sản xuất số 65 ngày 15 tháng 06 năm 2013

STT	Tên vật tư	Mã vật tư	Đơn vị tính	Số lượng
1	Vải Cotton	VC	Mét	350
2	Vải gai thô	VR	Mét	220
3	Vải lót	VL	Mét	120
4	Cúc	CC	chiếc	1.000
5	Khóa dây	KD	chiếc	250
6	Chỉ	CH	Cuộn	500

Hà Nội, ngày 15 tháng 06 năm 2013

Kế toán
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Người đề nghị
(Ký, họ tên)

(*Nguồn: Phòng Tài chính - Kế toán*)

Bảng 2.10: Phiếu xuất kho

Đơn vị: Công ty CP ĐT và TM Minh Quân

Mẫu số 02 – VT

Địa chỉ: 17A Đa Sỹ, Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Hà Nội

Theo QĐ: 48/2006/QĐ – BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ Tài chính

PHIẾU XUẤT KHO Quyển số:06

Ngày 15/06/2013

Số: 120

Nợ TK1541_AP

Có TK1521, 1522

Họ tên người nhận hàng: Dương Đức Việt

Lý do xuất kho: xuất cho sản xuất sản phẩm – Áo phông

Xuất tại kho: Kho nguyên vật liệu

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư (SP, HH)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn Giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
01	Vải cotton		M	102,5	102,5	55.000	5.637.500
	Vải cotton		M	247,5	247,5	56.900	14.082.750
02	Vải gai thô		M	220	220	29.045	6.389.900
03	Vải lót		M	120	120	10.000	1.200.000
04	Cúc		Chiếc	1.000	1.000	150	150.000
05	Khóa dây		Chiếc	250	250	802	200.500
06	Chỉ		Cuộn	500	500	5.500	2.750.000
	Cộng						30.410.650

Viết bằng chữ: *Ba mươi triệu, bốn trăm mười nghìn, sáu trăm năm mươi đồng chẵn.*

Ngày 15 tháng 06 năm 2013

Người lập phiếu
(Đã ký)Người giao hàng
(Đã ký)Thủ kho
(Đã ký)Kế toán trưởng
(Đã ký)*(Nguồn: Phòng Tài chính - Kế toán)*

2.2.4.3. Phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu

Việc quản lý tình hình nhập, xuất, tồn kho nguyên vật liệu được công ty bố trí thực hiện chủ yếu ở phòng kế toán và được kế toán nguyên vật liệu đảm nhiệm còn ở kho là do thủ kho thực hiện, vì vậy công việc hạch toán vẫn được thực hiện độc lập.

Hiện nay, công ty đang áp dụng phương pháp hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song. Nội dung kế toán chi tiết áp dụng tại Công ty như sau:

Tại kho: thủ kho và các nhân viên phục vụ trong kho phải bảo quản toàn vẹn số lượng, chất lượng vật tư, nắm vững ở bất kỳ thời điểm nào trong kho về số lượng, chất lượng, chủng loại của từng thứ, từng loại vật liệu để sẵn sàng cấp phát kịp thời cho phân xưởng. Thủ kho sử dụng dụng phần mềm kê toán để mở các thẻ kho, theo dõi về mặt số lượng cho từng loại nguyên vật liệu nhập, xuất, tồn kho. Mỗi thẻ kho được mở cho một loại nguyên vật liệu để dễ dàng cho việc theo dõi và ghi chép của thủ kho.

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ nhập, xuất, phát sinh, thủ kho tiến hành phân loại, sắp xếp từng thứ, loại vật liệu để ghi vào thẻ kho. Cuối ngày, thủ kho tính ra số lượng tồn kho và ghi vào cột tồn trên Thẻ kho. Định kỳ, thủ kho chuyển các chứng từ nhập, xuất đã được phân loại cho kế toán nguyên vật liệu. Đến cuối tháng, thủ kho tính số tồn về số lượng của từng thứ vật liệu trên các Thẻ kho và đối chiếu với Sổ chi tiết nguyên vật liệu do kế toán lập.

Tại phòng kế toán: để ghi chép tình hình nhập xuất kho nguyên vật liệu, kế toán tiến hành mở sổ chi tiết nguyên vật liệu trên máy vi tính và theo dõi chỉ tiêu số lượng, thành tiền. Sổ này được mở cho từng loại nguyên vật liệu tương ứng với thẻ kho.

Khi nhận được các chứng từ nhập, xuất kho do thủ kho gửi lên, kế toán nguyên vật liệu tiến hành kiểm tra, đối chiếu, xác định giá để ghi vào phiếu nhập kho, phiếu xuất kho cũng như sổ chi tiết nguyên vật liệu và nhập số liệu vào máy tính. Cuối tháng, căn cứ vào thông tin kế toán nhập, chương trình kế toán máy sẽ xử lý và kết xuất ra toàn bộ bảng biểu Sổ chi tiết nguyên vật liệu và Bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn kho. Sổ chi tiết nguyên vật liệu ghi chép cả về số lượng và giá trị cho từng loại nguyên vật liệu, sau đó đối chiếu với thẻ kho về số lượng và đối chiếu với kế toán tổng hợp về giá trị, nếu có sự chênh lệch thì phải tìm ra nguyên nhân và điều chỉnh lại cho hợp lý. Bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn kho, mỗi dòng ghi một loại nguyên vật liệu cả về số lượng và giá trị. Số liệu trên Bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn này được dùng để đối chiếu với số liệu trên sổ cái TK 152.

Bảng 2.11: Thẻ kho

Đơn vị: Công ty CP ĐT và TM Minh Quân

Mẫu số 06 – VT

Địa chỉ: 17A Đa Sỹ, Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Hà Nội Theo QĐ: 48/2006/QĐ – BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ Tài chính

THẺ KHO

Tháng 06 năm 2013

Tờ số: 06

Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư: **Vải Cotton**

Đơn vị tính: mét

Mã số: VC

Số thứ tự	Chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập, xuất	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
	Số hiệu	Ngày tháng			Nhập	Xuất	Tồn	
A	B	C	D	1	2	3	F	
			Tồn đầu tháng 06				352,5	
1	PX 110	05/06	Phục vụ sản xuất	05/06		250	102,5	
2	PN 89	10/06	Mua NVL	10/06	500		602,5	
3	PX 120	15/06	Phục vụ sản xuất	15/06		350	252,5	
4	PN 95	17/06	Mua NVL	17/06	1.000		1.252,5	
5	PN 99	18/06	Mua NVL	18/06	500		1.752,5	
6	PX 125	27/06	Phục vụ sản xuất	27/06		850	902,5	
7	PX 130	29/06	Phục vụ bộ phận bán hàng	29/06		50	852,5	
8	BBKK	30/6	Phát hiện thừa	30/6	100			
			Cộng phát sinh		2.100	1.500		
			Tồn cuối kỳ				952,5	

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

Bảng 2.12: Sổ chi tiết nguyên vật liệu

Đơn vị: Công ty CP ĐT và TM Minh Quân

SỔ CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU

Tháng 06 năm 2013

Tài khoản: 152 – Chi tiết TK 1521

Tên vật liệu: **Vải Cotton** – Mã vật tư: **VC**

Đơn vị tính: mét (*Đơn vị tính: đồng*)

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
SH	NT				Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	
		Tồn đầu tháng		55.000					352,5	19.387.500	
PX 110	05/6	Phục vụ sản xuất	154	55.000			250	13.750.000	102,5	5.637.500	
PN 89	10/6	Mua NVL	111, 112	56.900	500	28.450.000			602,5	34.087.500	
PX 120	15/6	Phục vụ sản xuất	154	55.000			102,5	5.637.500	500	28.450.000	
				56.900			247,5	14.082.750	252,5	14.367.250	
PN 95	17/6	Mua NVL	331	55.120	1.000	55.120.000			1.252,5	69.487.250	
PN 99	18/6	Mua NVL	111	54.300	500	27.150.000			1.752,5	96.637.250	
PX 125	27/6	Phục vụ sản xuất	154	56.900			252,5	14.367.250	1.500	82.270.000	
				55.120			597,5	32.934.200	902,5	49.335.800	
PX 130	29/6	Phục vụ bộ phận BH	6421	55.120			50	2.756.000	852,5	46.579.800	
BBKK	30/6	Phát hiện thừa	3381	54.300	100	5.430.000					
		Cộng phát sinh			2.100	116.150.000	1.500	83.527.700			
		Tồn cuối tháng							952,5	52.009.800	

Kế toán chi tiết

48 Kế toán trưởng

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

Bảng 2.13: Bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn nguyên vật liệu

Đơn vị: Công ty CP ĐT và TM Minh Quân

BẢNG TỔNG HỢP NHẬP – XUẤT – TỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Kho: Công ty CP ĐT và TM Minh Quân

Tháng 06 năm 2013

SốTT	Tên vật tư	ĐVT	Tồn đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ	
			Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
									
6	Vải cotton	Mét	352,5	19.387.500	2.100	116.150.000	1.500	83.527.700	952,5	52.009.800
7	Vải gai thô	Mét	450	10.800.000	1.995	48.179.250	1.200	28.920.000	1.245	30.059.250
8	Vải ren	Mét	250	7.261.250	3.420	99.180.000	3.110	90.252.200	560	16.189.050
9	Chỉ	Cuộn	1.100	6.050.000	1.500	7.800.000	2.300	12.075.000	300	1.775.000
10	Khóa dây	Chiếc	235	188.470	1.350	1.215.000	1.280	1.088.000	305	315.470
11	Cúc	Chiếc	1.200	180.000	5.000	775.000	4.800	729.600	1.400	225.400
	...									
	Cộng			358.719.506		820.896.246		905.147.080		442.970.340

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

2.2.5. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu

Xuất phát từ đặc điểm của nguyên vật liệu, hiện nay Công ty CP đầu tư và thương mại Minh Quân sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên để theo dõi kế toán tổng hợp nhập, xuất nguyên vật liệu. Theo phương pháp này, tình hình biến động nhập – xuất – tồn kho nguyên vật liệu được phản ánh thường xuyên, liên tục. Vì vậy, tại bất kỳ thời điểm nào trong kỳ hạch toán cũng có thể xác định giá trị nguyên vật liệu của công ty. Công ty đang thực hiện hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo hình thức Nhật ký chung.

2.2.5.1. Tài khoản sử dụng

Công ty sử dụng các tài khoản sau để hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu:

- Tài khoản 152 – Nguyên vật liệu. Tài khoản này được công ty mở thành 2 tài khoản cấp 2:

TK 1521: nguyên vật liệu chính

TK 1522: vật liệu phụ

- Tài khoản 133 – Thuế GTGT được khấu trừ
- Tài khoản 331 – Phải trả người bán
- Tài khoản 131 – Phải thu khách hàng
- Tài khoản 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Tài khoản này được công ty mở thành 2 tài khoản cấp 2: TK 1541 – Áo phông, TK 1542 – Áo sơ mi,... Công ty sử dụng tài khoản này thay cho TK 621, 622, 627 do công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ theo quyết định 48/2006/QĐ - BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Ngoài ra, kế toán tổng hợp còn sử dụng các tài khoản khác như: TK 111, 112, 141,....

2.2.5.2. Kế toán tổng hợp nhập nguyên vật liệu

Cùng với việc kế toán chi tiết nguyên vật liệu hàng ngày thì kế toán tổng hợp nguyên vật liệu là công việc không thể thiếu được trong công tác hạch toán vật tư. Do vật liệu Công ty hầu hết là mua ngoài nhập kho nên quan hệ thanh toán với người bán của Công ty chủ yếu là với người cung cấp nguyên vật liệu. Vật tư mua về đối với những lô hàng mua lẻ, giá trị nhỏ có thể thanh toán ngay bằng tiền mặt hoặc tiền gửi ngân hàng. Còn đối với những lô hàng lớn được kế toán ghi vào tài khoản “phải trả người bán”.

Trường hợp nguyên vật liệu mua ngoài nhập kho đã thanh toán ngay cho người bán bằng tiền mặt hoặc tiền gửi ngân hàng

Đối với các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến tiền mặt và tiền gửi cần phải có các chứng từ hợp pháp, hợp lệ. Khi có nghiệp vụ nhập mua nguyên vật liệu thanh toán

ngay cho người bán bằng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng phát sinh, kế toán căn cứ vào các chứng từ như Phiếu chi tiền mặt, Hóa đơn GTGT, Phiếu nhập kho,... để nhập số liệu vào máy. Đến cuối tháng, căn cứ vào thông tin kế toán nhập, chương trình kế toán máy sẽ xử lý và kết xuất ra sổ Nhật ký chung, sổ Cái.

Ví dụ: Theo ví dụ trên và căn cứ vào Hóa đơn GTGT PT/2013, 0000578 ngày 10/06, Hóa đơn GTGT PT/2013, 0000478 ngày 10/06 Giấy báo nợ số 32, Phiếu nhập kho số 89 về việc mua số vải cotton của Công ty TNHH SX và TM Phương Thảo, kế toán nhập dữ liệu vào máy tính, cuối kỳ kế toán chạy phần mềm cập nhật giá xuất kho:

+ Bút toán 1:

Nợ TK 1521	27.250.000
Nợ TK 133	2.725.000
Có TK 331	29.975.000

+ Bút toán 2:

Nợ TK 331	29.975.000
Có TK 112	29.975.000

+ Bút toán 3:

Nợ TK 1521	1.200.00
Nợ TK 133	120.000
Có TK 111	1.320.000

Trường hợp nguyên vật liệu mua ngoài nhập kho chưa thanh toán cho người bán

Khi kế toán nhận được các chứng từ liên quan đến trường hợp này, kế toán tiến hành kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các chứng từ như: Hóa đơn GTGT, Phiếu nhập kho. Sau đó, kế toán tiến hành ghi sổ chi tiết thanh toán với người bán để theo dõi tình hình thanh toán với các nhà cung cấp. Sổ chi tiết thanh toán với người bán dùng để theo dõi các khoản công nợ phải trả cho từng người bán cũng như tình hình thanh toán nợ với từng người. Với những nhà cung cấp thường xuyên thì mỗi người bán được Công ty theo dõi riêng, còn với những nhà cung cấp không thường xuyên thì được theo dõi chung.

Căn cứ để ghi Sổ chi tiết thanh toán với người bán là các chứng từ như Hóa đơn GTGT, Giấy báo nợ ngân hàng, Phiếu chi,... Các khoản phải trả cho người bán được phản ánh bên Có, còn các khoản thanh toán hoặc ứng trước tiền cho người bán được phản ánh bên Nợ. Cuối tháng, máy tính sẽ tự động tính ra số phát sinh và số dư cuối kỳ phải trả cho từng người bán, từ đó lập bảng tổng hợp chi tiết công nợ.

Ví dụ: Căn cứ vào Hóa đơn GTGT PT/2013, 0000600 (Bảng 2.14 – trang 53) ngày 17/06, Phiếu nhập kho số 95 về việc mua số vải cotton của Công ty TNHH SX và TM Phương Thảo, kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 1521	55.120.000
Nợ TK 133	5.512.000
Có TK 331	60.632.000

Trường hợp hàng mua đang đi đường

Theo Quyết định số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính, trường hợp doanh nghiệp đã nhận được hóa đơn mua hàng nhưng nguyên vật liệu chưa về nhập kho đơn vị thì kế toán lưu hóa đơn vào một tập hồ sơ riêng “Hàng mua đang đi đường” chờ đến khi nguyên vật liệu về nhập kho sẽ ghi sổ chứ không sử dụng TK 151 – Hàng mua đang đi đường để hạch toán như các doanh nghiệp áp dụng theo Quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006.

Trường hợp nhập kho phế liệu thu hồi

Do Công ty sản xuất sản phẩm theo đơn đặt hàng mỗi sản phẩm có một kích thước, đặc điểm khác nhau vì vậy nguyên vật liệu cho từng đơn đặt hàng cũng khác nhau. Trong quá trình sản xuất có những nguyên vật liệu bị loại bỏ do không đáp ứng được cho sản xuất và trong quá trình hoàn thiện sản phẩm có những nguyên vật liệu bị hỏng không dùng được như vải thừa, khóa dây hỏng,...

Những phế liệu trên được thu hồi từ quá trình sản xuất được nhập kho chờ thanh lý nhưng kế toán không lập phiếu nhập kho cũng như không ghi sổ. Khi bán phế liệu, kế toán ghi nhận số tiền thu được vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Ví dụ: Ngày 22 tháng 06 năm 2013, Công ty tiến hành bán phế liệu căn cứ vào Phiếu thu 105, Hóa đơn GTGT 0000247 (Bảng 2.15 – trang 54) kế toán ghi:

Nợ TK 111	1.650.000
Có TK 511	1.500.000
Có TK 3331	150.000

Việc ghi sổ đối với phế liệu thu hồi như vậy là không đúng và sẽ được kiến nghị ở chương 3.

Bảng 2.14: Hóa đơn giá trị gia tăng

HOÁ ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu: PT/2013			
Liên 2: Giao cho khách hàng		Số: 0000600			
Ngày 17 tháng 06 năm 2013					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH SX và TM Phương Thảo					
Mã số thuế: 0101169475					
Địa chỉ: Số 36 – Tổ 28A – Phường Thanh Lương – Quận Hai Bà Trưng – Hà Nội.					
Số điện thoại: 0439874309			Fax: 0439876959 63		
Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng: Lê Quang Huy					
Tên đơn vị: Công ty CP ĐT và TM Minh Quân					
Địa chỉ: 17A Đa Sỹ, Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Hà Nội					
Hình thức thanh toán: Trả sau			Mã số thuế: 0104846189		
TT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	B	C	1	2	3= 1x2
	Vải cotton	M	1.000	55.120	27.250.000
Thuế GTGT: 10%		Cộng tiền hàng			55.120.000
		Tiền thuế GTGT			5.512.200
		Tổng cộng thanh toán			60.632.000
Số tiền viết bằng chữ: Sáu mươi triệu, sáu trăm ba mươi hai nghìn đồng chẵn.					

Người mua hàng
(Ký, họ tên)

Người bán hàng
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng Tài chính - Kế toán)

Bảng 2.15: Hóa đơn giá trị gia tăng bán phế liệu

HÓA ĐƠN			Mẫu số: 01GTKT3/001		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			XT/11P		
Liên 3: Nội bộ			0000247		
<i>Ngày 22 tháng 06 năm 2013</i>					
Đơn vị bán hàng: Công ty CP Đầu tư và Thương mại Minh Quân					
Mã số thuế: 0104846189					
Địa chỉ: 17A Đa Sỹ, Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Hà Nội					
Số tài khoản:.....					
Điện thoại: : 033.3628648			Fax: : 033.3628648		
Họ tên người mua hàng:.....					
Tên đơn vị: Công ty CP Thương mại Xuân Tài					
Địa chỉ: 129 Phạm Văn Đồng, Từ Liêm, Hà Nội					
Số tài khoản:.....					
Hình thức thanh toán: Tiền mặt			Mã số thuế: 0101270002		
TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
01	Phế liệu	Kg	750	20.000	1.500.000
Cộng tiền hàng					1.500.000
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					150.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					1.650.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng chẵn</i>					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

Bảng 2.16: Phiếu thu

Đơn vị: Công ty CP ĐT và TM Minh Quân

Mẫu số 01 – TT

Địa chỉ: 17A Đa Sỹ, Kiến Hưng, Quận Hà Đông,
Hà Nội

Theo QĐ: 48/2006/QĐ – BTC ngày 14
tháng 09 năm 2006 của Bộ Tài chính

PHIẾU THU

Ngày 22 tháng 06 năm 2013

Quyển số:06

Số : 105

Nợ: TK 111

Có: TK 511, 3331

Họ tên nộp tiền: Phòng tài chính kế toán

Địa chỉ: Phòng tài chính kế toán

Lý do thu tiền: Thu tiền bán phế liệu

Số tiền: 1.650.000 đồng (viết bằng chữ) *Một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng chẵn.*

Kèm theo:

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ) *Một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng chẵn.*

Ngày 22 tháng 06 năm 2013

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Thủ quỹ	Người nhận tiền
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):

Số tiền quy đổi:

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

2.2.5.3. *Kế toán tổng hợp xuất nguyên vật liệu*

Công ty CP đầu tư và thương mại Minh Quân áp dụng phương pháp Nhập trước – Xuất trước để tính giá xuất kho. Theo phương pháp này, thì kế toán có thể xác định được ngay giá trị nguyên vật liệu xuất kho mỗi khi tiến hành xuất kho nguyên vật liệu. Nguyên vật liệu tại công ty được xuất kho chủ yếu phục vụ sản xuất sản phẩm, ít khi phát sinh nghiệp vụ xuất kho phục vụ bán hàng và quản lý doanh nghiệp. Khi nghiệp vụ phát sinh, kế toán tiến hành nhập dữ liệu vào máy. Cuối tháng, máy tính sẽ tự động cộng số liệu, tính giá xuất kho và kết xuất ra Sổ chi tiết nguyên vật liệu, sổ Nhật ký chung và sổ Cái theo lệnh của kế toán.

Công ty áp dụng chế độ kế toán theo quyết định 48/2006/QĐ - BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, vì vậy doanh nghiệp sử dụng TK 154 để hạch toán toàn bộ chi phí sản xuất sản phẩm gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung, TK 6421 để hạch toán chi phí bán hàng và TK 6422 để hạch toán cho chi phí quản lý doanh nghiệp.

Đối với nguyên vật liệu xuất kho dùng cho sản xuất sản phẩm, dùng chung cho phân xưởng

Đối với trường hợp này, kế toán sử dụng các chứng từ là Phiếu sản xuất, Giấy đề nghị xuất kho và Phiếu xuất kho. Định kỳ, căn cứ vào các chứng từ, kế toán tiến hành định khoản các nghiệp vụ xuất nguyên vật liệu phục vụ sản xuất.

Ví dụ: Căn cứ Phiếu xuất kho số 120 ngày 15/06/2013 về việc xuất nguyên vật liệu phục vụ sản xuất sản phẩm, theo tổng giá trị là 29.816.650 đồng, kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 1541	29.816.650	
	Có TK 152	29.816.650
	Có TK 1521	25.516.150
	Có TK 1522	4.300.500

Đối với nguyên vật liệu xuất kho dùng cho bộ phận bán hàng, quản lý doanh nghiệp

Căn cứ vào Giấy đề nghị xuất kho nguyên vật liệu do bộ phận bán hàng hoặc bộ phận quản lý lập. Định kỳ, kế toán căn cứ vào các chứng từ liên quan và tiến hành định khoản các nghiệp vụ xuất nguyên vật liệu.

Ví dụ: Căn cứ phiếu xuất kho số 130 ngày 29/6, xuất kho 50 m vải cotton cho bộ phận bán hàng tổng giá trị là 2.756.000 đồng, kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 6421	2.756.000	
	Có TK 1521	2.756.000

2.2.6. Kiểm kê, lập dự phòng giảm giá nguyên vật liệu tại Công ty

2.2.6.1. Kiểm kê nguyên vật liệu

Kiểm kê nguyên vật liệu là phương pháp các doanh nghiệp sản xuất hay sử dụng để bảo vệ an toàn cho nguyên vật liệu và phát hiện kịp thời những sai sót và vi phạm trong quản lý, sử dụng nguyên vật liệu, từ đó đưa ra các biện pháp hợp lý và hiệu quả.

Biết được tầm quan trọng của kiểm kê, tuy là doanh nghiệp nhỏ nhưng công ty thường xuyên tiến hành kiểm kê hàng tháng để phát hiện sự chênh lệch thiếu hoặc thừa của số lượng nguyên vật liệu tồn kho thực tế với số liệu đó trên sổ sách do kế toán và thủ kho theo dõi. Nguyên vật liệu của Công ty có nhiều loại vì vậy khi tiến hành kiểm kê Công ty chỉ kiểm kê đối với nguyên vật liệu chính và một số loại vật tư phụ.

Trước khi tiến hành kiểm kê, Công ty sẽ thành lập ban kiểm kê bao gồm các thành viên: nhân viên phòng kỹ thuật vật tư, điều hành sản xuất, thủ kho, kế toán. Khi tiến hành kiểm kê cần phải cân, đong, đo, đếm cụ thể với từng nguyên vật liệu cần kiểm kê với các công cụ và cách thức thích hợp nhằm xác định số lượng tồn kho của từng nguyên vật liệu. Sau khi kiểm kê nguyên vật liệu xong, tiến hành lập Biên bản kiểm kê để xác định số chênh lệch thừa hoặc thiếu so với sổ sách và đồng thời tìm nguyên nhân và biện pháp giải quyết nếu xảy ra chênh lệch.

Kế toán căn cứ vào Biên bản kiểm kê để hạch toán kết quả kiểm kê. Nếu kiểm kê thấy số lượng thực tế chênh lệch với số lượng trên sổ sách thì kế toán phải kiểm tra lại sổ sách xem có nhầm lẫn trong quá trình ghi chép không. Nếu chênh lệch là do ghi nhầm thì kế toán điều chỉnh lại cho phù hợp với số hiện có của nguyên vật liệu theo phương pháp chữa sổ theo quy định. Nếu chênh lệch là do những nguyên nhân khác thì phải xác định rõ nguyên nhân và xử lý theo quy định.

Ví dụ: Ngày 30/ 6/2013, Công ty tiến hành kiểm kê kho phát hiện:

Thừa 100m vải cotton, đơn giá 54.300 đồng/m

Thiếu 5m vải ren, đơn giá 29.100 đồng/m

Do không biết thiếu ở lô hàng nào vì vậy Công ty lấy đơn giá của lô hàng nhập cuối cùng trong tháng. Kế toán ghi:

- Trường hợp phát hiện thừa 100 m vải cotton, chưa rõ nguyên nhân:

Nợ TK 1521 5.430.000

Có TK 3381 5.430.000

- Trường hợp phát hiện thiếu 5 m vải ren:

Nợ TK 1381 145.500

Có TK 1521 145.500

2.2.6.2. *Lập dự phòng giảm giá nguyên vật liệu*

Xuất phát từ đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Công ty sản xuất theo đơn đặt hàng nên khi có đơn đặt hàng thì tiến hành mua nguyên vật liệu. Bên cạnh đó, các vật liệu dùng cho công nghệ may của Công ty có sẵn trên thị trường, giá cả ít biến động. Đây cũng là một điều kiện thuận lợi để Công ty đỡ phải dự trữ nhiều nguyên vật liệu trong kho. Chính vì vậy, hiện nay Công ty không tiến hành lập dự phòng giảm giá cho các nguyên vật liệu tồn kho.

Bảng 2.17: Sổ chi tiết thanh toán với người bán
SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN

Tài khoản: 3311

Đối tượng: Công ty TNHH SX và TM Phương Thảo

Loại tiền: VNĐ

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Thời hạn được chiết khấu	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
			Số dư đầu kỳ						35.000.000
8/6	PC 65	8/6	Thanh toán công nợ	111		15.000.000			20.000.000
17/6	0000600	17/6	Mua NVL chính	1521			55.120.000		75.120.000
17/6	0000600	17/6	Mua NVL chính	133			5.512.000		80.632.000
22/6	PC 88	22/6	Thanh toán công nợ	111		20.000.000			60.632.000
29/6	PC 91	29/6	Thanh toán công nợ	111		15.000.000			45.632.000
			Cộng số phát sinh			50.000.000	60.632.000		
			Số dư cuối kỳ						45.632.000

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

Bảng 2.18: Biên bản kiểm kê

Đơn vị: Công ty CP ĐT và TM Minh Quân

Địa chỉ: 17A Đa Sỹ, Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Hà Nội

Mẫu số 08- VT

Theo QĐ: 48/2006/QĐ – BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ Tài chính

**BIÊN BẢN KIỂM KÊ
VẬT TƯ HÀNG HÓA SẢN PHẨM**

Thời điểm kiểm kê: ngày 30 tháng 6 năm 2013

Ban kiểm kê gồm:	Ông, bà: Đỗ Hữu Hà	Trưởng ban
	Ông, bà: Trần Thu Phương	Ủy viên
	Ông, bà: Lê Hữu Thắng	Ủy viên

Đã kiểm kê kho có những mặt dưới đây:

S T T	Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư (sản phẩm, hàng hóa)	Mã số	Đơn vị tính	Đơn giá (lô hàng cuối tháng)	Theo sổ sách		Theo kiểm kê		Chênh lệch				Chất lượng		
					SL	TT	SL	TT	Thừa		Thiếu		Còn tốt 100%	Kém phẩm chất	Mất phẩm chất
									SL	TT	S L	TT			
1	Vải cotton		M	54.300	852,5	46.579.800	952,5	52.009.800	100	5.430.000					
2	Vải gai thô		M	24.140	1.245	30.059.250	1.245	30.059.250	0	0	0	0			
3	Vải ren		M	29.100	560	16.189.050	555	16.043.550			5	145.500			
	...														
	Tổng cộng					421.806.560		427.091.060		5.430.000		145.500			

Ngày 30 tháng 6 năm 2013

Thủ trưởng đơn vị

Kế toán trưởng

Thủ kho

Trưởng ban kiểm kê

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

Bảng 2.19: Sổ Nhật ký chung

Đơn vị: Công ty CP ĐT và TM Minh Quân

SỔ NHẬT KÝ CHUNG (trích)

Tháng 6 năm 2013

Trang

(Đơn vị tính: đồng)

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ Cái	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	SH	NT				Nợ	Có
			Trang trước chuyển sang			Xxx	Xxx
						
5/6	PX 110	5/6	Xuất vải cotton phục vụ	X	154	13.750.000	
			Sản xuất	X	1521		13.750.000
						
10/6	PN 89	10/6	Mua vải cotton	X	1521	27.250.000	
			Theo HĐ 0000578	X	133	2.750.000	
				X	331		29.950.000
10/6	GN 32	10/6	Thanh toán tiền hàng	X	331	29.950.000	
				X	112		29.950.000
10/6	PC 35		Chi phí chờ hàng	X	1521	1.200.000	
			Theo HĐ 0000478	X	133	120.000	
				X	111		1.320.000
						
15/6	PX 120	15/6	Xuất NVL phục vụ	X	154	30.410.650	
			sản xuất	X	1521		26.110.150
				X	1522		4.300.500
						
17/6	PN 95	17/6	Mua vải cotton	X	1521	55.120.000	
			Theo HĐ 0000600	X	133	5.512.000	
				X	331		60.632.000
			...				
18/6	PN 99	18/6	Mua vải cotton	X	1521	27.150.000	

			Theo HĐ 0001610	X	133	2.715.000	
				X	112		29.865.000
			...				
22/6	PT 105	22/6	Bán phế liệu	X	111	1.650.000	
				X	511		1.500.000
				X	3331		150.000
			...				
27/6	PX 125	27/6	Xuất vải cotton phục vụ	X	154	47.301.450	
			sản xuất	X	1521		47.301.450
			...				
29/6	PX 130	29/6	Xuất vải cotton phục vụ	X	642	2.756.000	
			bộ phận bán hàng	X	1521		2.756.000
			...				
30/6	BBKK	30/6	Kiểm kê phát hiện thừa	X	1521	5.430.000	
			100 m vải cotton	X	3381		5.430.000
30/6	BBKK	30/6	Kiểm kê phát hiện thiếu	X	1381	145.500	
			5 m vải ren	X	1521		145.500

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kê toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

Bảng 2.20: Sổ Cái tài khoản 152

Đơn vị: Công ty CP ĐT và TM Minh Quân

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 152 (trích)

Tháng 6 năm 2013

Tên tài khoản: Nguyên vật liệu

Trang:

(Đơn vị tính: đồng)

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Trang NKC	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT				Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			358.719.506	
			...				
5/6	PX 110	5/6	Xuất vải cotton phục vụ SX		154		13.750.000
			...				
7/6	PX 114	7/6	Xuất vải ren phục vụ SX		154		7.000.000
			...				
10/6	PN 89	10/6	Mua vải cotton		112	27.250.000	
10/6	PC 35	10/6	Chi phí vận chuyển		111	1.200.000	
			...				
15/6	PX 120	15/6	Xuất NVL phục vụ SX		154		30.410.650
			...				
15/6	PX 121	15/6	Xuất NVL phục vụ SX		154		5.980.000
			...				
16/6	PX 123	16/6	Xuất vải gai thô phục vụ SX		154		25.123.000
			...				
17/6	PN 95	17/6	Mua vải cotton		331	55.120.000	
			...				
17/6	PN 96	17/6	Mua NVL phụ		111	9.300.000	
			...				
18/6	PN 99	18/6	Mua vải cotton		112	27.150.000	
			...				
27/6	PX 125	27/6	Xuất vải cotton phục vụ SX		154		47.301.450
			...				

21/6	PX 127	27/6	Xuất vải ren phục vụ SX		154		20.000.000
			...				
29/6	PX 130	29/6	Xuất vải cotton phục vụ BH		642		2.756.000
			...				
30/6	BBKK	30/6	Kiểm kê phát hiện thừa		3381	5.430.000	
30/6	BBKK	30/6	Kiểm kê phát hiện thiếu		1381		145.500
			Cộng phát sinh			820.896.246	905.147.080
			Số dư cuối kỳ			442.970.340	

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

CHƯƠNG 3:

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI MINH QUÂN

Kết thúc chương 1 và chương 2 em đã đưa ra cơ sở để so sánh giữa lý luận và thực tế công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Minh Quân. Qua đó em thấy được những mặt tích cực và cả những mặt tồn tại trong việc kế toán nguyên vật liệu của Công ty. Nội dung của chương 3 là những nhận xét chung về tổ chức bộ máy quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, đánh giá chung về tình hình thực hiện công tác kế toán nguyên vật liệu và một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Minh Quân.

3.1. ĐÁNH GIÁ VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI MINH QUÂN

Qua gần 5 năm hoạt động sản xuất kinh doanh và phát triển, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Minh Quân đã vượt qua bao khó khăn để đạt được những thành quả đáng khích lệ. Công ty đã khẳng định được vị trí của mình trên thị trường, thị phần của Công ty ngày càng tăng, nâng cao khả năng cạnh tranh. Đạt được những thành tựu trên là công sức phấn đấu không ngừng của toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty trong suốt quá trình hình thành và phát triển.

Để tồn tại và phát triển như ngày nay Công ty luôn phải quan tâm đầy mạnh sản xuất, chú trọng đến chất lượng sản phẩm để nâng cao uy tín trên thị trường. Bên cạnh đó, công tác quản lý nói chung và công tác kế toán nói riêng đã không ngừng được củng cố và hoàn thiện. Bộ máy kế toán của công ty gọn nhẹ, phù hợp với đặc điểm, quy mô hoạt động của công ty. Sự ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán đã làm giảm bớt khối lượng ghi chép đem lại hiệu quả cao trong công việc.

Nhận thức được vai trò quan trọng của việc hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, Công ty luôn cố gắng nghiên cứu tìm ra những biện pháp phù hợp và có tính thực tiễn cao. Tuy nhiên trong quá trình hoàn thiện các doanh nghiệp nói chung và Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Minh Quân nói riêng không thể tránh khỏi những hạn chế.

Qua thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Minh Quân, được tiếp cận thực tế với công tác quản lý, công tác kế toán và được sự quan tâm giúp đỡ tận tình của Ban lãnh đạo và các cô chú trong phòng Tài chính – Kế toán đã giúp em có điều kiện tốt để làm quen và nghiên cứu thực tế. Dưới góc độ của một sinh viên thực tập trên cơ sở những kiến thức đã tiếp thu và vận dụng vào thực tế tại Công ty,

em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhận xét về công tác quản lý, công tác kế toán nói chung và công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty nói riêng như sau:

3.1.1. Ưu điểm

- Về bộ máy tổ chức quản lý

Từ một nhà phân phối sản phẩm hàng tiêu dùng thành lập thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Minh Quân, Công ty đã không ngừng nỗ lực phát triển về quy mô sản xuất và trình độ quản lý. Trên đà phát triển và hội nhập kinh tế của đất nước, đặc biệt là khi nước ta ra nhập WTO để hòa nhập bước đi của mình cùng với nhịp độ phát triển đó, Công ty đã không ngừng cải tổ và hoàn thiện bộ máy quản lý đào tạo đội ngũ công nhân lành nghề, đổi mới và bổ sung dây chuyền công nghệ. Điều đó đã giúp cho Công ty hoàn thành tốt những mục tiêu đề ra, góp phần đẩy mạnh nền kinh tế của đất nước và nâng cao đời sống của cán bộ công nhân viên.

- Về tổ chức công tác kế toán

Tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Minh Quân, bộ máy kế toán được tổ chức phù hợp với yêu cầu của công việc và trình độ chuyên môn của các nhân viên kế toán. Bên cạnh đó, nhân viên phòng Tài chính – Kế toán được phân công công việc một cách khoa học, cụ thể, không bị chồng chéo công việc với nhau, đảm bảo tính độc lập cũng như khả năng phối kết hợp giữa các kế toán viên. Ngoài ra, áp dụng phần mềm kế toán FAST thì việc lưu giữ thông tin được chặt chẽ, chính xác hơn và nhanh chóng cung cấp thông tin cho công tác kế toán. Nhờ đó, phòng Tài chính – Kế toán luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, cung cấp thông tin chính xác kịp thời giúp Ban lãnh đạo Công ty đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Nhìn chung, hệ thống chứng từ, sổ sách sử dụng tại Công ty phù hợp với mẫu theo quy định của Bộ Tài chính ban hành. Công ty sử dụng đầy đủ các chứng từ, sổ sách liên quan và thực hiện tốt các thủ tục nhập, xuất kho vì vậy đã quản lý tương đối tốt tình hình nguyên vật liệu. Hệ thống sổ được ghi chép rõ ràng đầy đủ. Quá trình luân chuyển chứng từ tại Công ty được kiểm soát khá chặt chẽ, giúp cho Giám đốc và Kế toán trưởng theo dõi sát các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Kế toán vật tư tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Minh Quân đã nghiên cứu và sử dụng các tài khoản chi tiết dựa trên từng loại nguyên liệu, vật liệu để tính giá trị nhập kho, xuất kho, kết hợp với các tài khoản tổng hợp do Bộ Tài chính ban hành. Điều này, giúp cho công tác kế toán vật tư trở nên đơn giản hơn.

Hình thức kế toán mà Công ty áp dụng là hình thức Nhật ký chung, hình thức này phù hợp với quy mô và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, hình thức này rất phù hợp, thuận tiện cho việc áp dụng phần mềm kế toán vào công tác kế toán.

- Về công tác kế toán nguyên vật liệu

Qua thời gian thực tập tại Công ty, trên cơ sở lý luận được tiếp thu ở nhà trường kết hợp với tình hình thực tế ở Công ty, em nhận thấy công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty có một số ưu điểm sau:

Nguyên vật liệu được phân loại hợp lý, dựa trên nội dung kinh tế, vai trò và tác dụng của từng loại nguyên vật liệu đối với quá trình sản xuất kinh doanh Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Minh Quân đã chia nguyên vật liệu thành từng nhóm, từng loại. Việc phân loại như vậy đã tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý và kế toán nguyên vật liệu. Trong quá trình hạch toán nguyên vật liệu nhận thấy giá trị nguyên vật liệu chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng chi phí sản xuất kinh doanh do đó Công ty đã tổ chức quản lý khá tốt khâu thu mua, sử dụng vật liệu để đảm bảo chất lượng sản phẩm. Mặc dù khối lượng nguyên vật liệu lớn lại đa dạng về chủng loại, quy cách nhưng Công ty luôn đáp ứng đầy đủ, kịp thời cho sản xuất, không làm gián đoạn quá trình sản xuất vì thiếu vật tư. Phòng Tài chính – Kế toán mà trực tiếp là kế toán vật tư luôn theo dõi sát sao công tác thu mua nguyên vật liệu, phản ánh kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và cung cấp thông tin chính xác cho nhà quản lý.

Hiện nay, Công ty đang sử dụng phương pháp Nhập trước – Xuất trước để tính giá nguyên vật liệu xuất kho. Đối với Công ty có nhiều loại nguyên vật liệu nhưng giá cả không có sự biến động lớn thì phương pháp này cho phép kế toán có thể tính giá nguyên vật liệu xuất kho kịp thời. Công ty theo dõi việc nhập xuất nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song là rất hợp lý với tình hình nguyên vật liệu tại Công ty: nhiều chủng loại nguyên vật liệu, khối lượng các nghiệp vụ nhập, xuất không quá lớn. Áp dụng phương pháp này giúp Công ty dễ dàng kiểm tra, đối chiếu số liệu và phát hiện sai sót. Ngoài ra, thuận tiện cho việc theo dõi tình hình nhập xuất tồn nguyên vật liệu. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại Công ty được sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên vì vậy tình hình nhập xuất nguyên vật liệu được phản ánh kịp thời và thường xuyên. Như vậy, tại bất cứ thời điểm nào trong kỳ kế toán, nhà quản lý cũng có thể có những thông tin chi tiết và chính xác về nguyên vật liệu.

Về công tác dự trữ và bảo quản nguyên vật liệu, Công ty đã có kế hoạch dự trữ nguyên vật liệu hợp lý phục vụ sản xuất. Công ty rất quan tâm đến việc lập định mức tiêu dùng nguyên vật liệu. Hệ thống định mức sử dụng nguyên vật liệu được sử dụng và điều chỉnh theo sự biến động của vật liệu xuất dùng thực tế nên đảm bảo tính phù hợp, tính xác thực và tính khoa học làm tăng hiệu quả của công tác quản lý nguyên vật liệu. Công ty đã có hệ thống kho tàng tương đối rộng rãi, nguyên vật liệu được sắp xếp gọn gàng phù hợp với đặc tính lý hóa của từng nguyên vật liệu, thuận tiện cho việc quản lý nguyên vật liệu, đáp ứng đủ nhu cầu vật liệu cho sản xuất.

3.1.2. Tồn tại

Bên cạnh những kết quả đã đạt được đáng khích lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Minh Quân, thì trong công tác kế toán nguyên vật liệu của Công ty vẫn còn một số hạn chế nhất định cần được hoàn thiện.

- Về hệ thống tài khoản

Hiện nay, Công ty chỉ mở 2 tài khoản cấp 2 của TK 152 để theo dõi, phản ánh tình hình của toàn bộ nguyên vật liệu sử dụng ở Công ty. Đó là TK 1521 – Nguyên vật liệu chính và TK 1522 – Vật liệu phụ. Cho nên nhiên liệu, phụ tùng thay thế và các vật liệu khác đều được theo dõi trên tài khoản 1522. Việc theo dõi chung trên một tài khoản như vậy sẽ gây khó khăn và phức tạp cho công tác kế toán cũng như công tác quản lý của Công ty.

- Về phần mềm kế toán

Về ứng dụng công nghệ thông tin tại Công ty, hiện nay Công ty đang sử dụng phần mềm kế toán FAST, phần mềm được đưa vào sử dụng nhưng quy trình quản lý và sử dụng chưa được phổ biến cụ thể cho nhân viên kế toán. Hiện tại các nhân viên kế toán của công ty chủ yếu vẫn thực hiện các nghiệp vụ kế toán thủ công. Các nghiệp vụ kế toán trên phần mềm vẫn do kế toán trưởng thực hiện. Như vậy, mặc dù đã ứng dụng công nghệ thông tin nhưng công ty chưa sử dụng hiệu quả nên chưa đem lại hiệu quả cao trong công việc.

- Về công tác thu hồi phế liệu

Về phế liệu thu hồi của Công ty chưa được phản ánh đầy đủ. Tại Công ty, phế liệu thu hồi được nhập kho nhưng kế toán không ghi sổ, không làm thủ tục nhập kho điều này dẫn đến tình trạng mất mát, hao hụt phế liệu làm thất thoát nguồn thu của Công ty. Khi số phế liệu này được bán, kế toán mới ghi nhận khoản tiền thu được vào doanh thu bán hàng. Làm như vậy là không đúng với nguyên tắc và chế độ kế toán mà Nhà nước ban hành, đồng thời làm tăng chi phí sản xuất do toàn bộ vật liệu xuất kho cho sản xuất sản phẩm được tính vào chi phí nguyên vật liệu. Hơn nữa việc ghi khoản tiền thu được từ bán phế liệu vào TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là sai quy định của Bộ Tài chính.

- Về dự trữ nguyên vật liệu

Kinh doanh trong lĩnh vực may mặc thường có hai khoảng thời gian bán được nhiều hàng hóa nhất đó là vào khoảng tháng 3 – đầu mùa hè và khoảng thời gian tháng 9 – đầu mùa đông. Với đặc thù ngành nghề kinh doanh như vậy dẫn đến việc công ty phải xây dựng mức dự trữ nguyên vật liệu phù hợp với từng khoảng thời gian trong năm, tránh để xảy ra tình trạng nguyên vật liệu bị ứ đọng quá nhiều, gây ra nhiều tổn thất cho công ty.

3.2. YÊU CẦU VÀ NGUYÊN TẮC HOÀN THIỆN KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU

3.2.1. Yêu cầu hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu

Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu là vấn đề hết sức phức tạp và quan trọng. Để đảm bảo việc vận dụng đúng chế độ kế toán Công ty cần phải thực hiện những yêu cầu sau:

- **Yêu cầu phù hợp:** Việc hoàn thiện phải căn cứ vào chế độ kế toán do nhà nước ban hành, phải đảm bảo phù hợp với đặc điểm kinh doanh ở Việt Nam nói chung và ở các doanh nghiệp sản xuất nói riêng. Trong kế toán quốc tế, yêu cầu phù hợp đã trở thành nguyên tắc nghĩa là nó rất được coi trọng do vậy khi hoàn thiện công tác kế toán cần phải đặt yêu cầu này lên hàng đầu.

- **Yêu cầu thống nhất:** Yêu cầu này đặt ra nhằm đảm bảo sự thống nhất quản lý, đảm bảo sự tuân thủ những chính sách, chế độ, thể lệ tài chính kế toán do nhà nước ban hành, phù hợp với yêu cầu quản lý và đặc điểm hoạt động kinh doanh của Công ty, đảm bảo thống nhất giữa các chỉ tiêu mà kế toán phản ánh, thống nhất về các hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán và sổ sách báo cáo kế toán. Đây là một yêu cầu cơ bản nhằm tạo ra sự thống nhất về chế độ kế toán trong nền kinh tế quốc dân.

- **Yêu cầu chính xác và kịp thời:** Trong điều kiện hiện nay, với sự bùng nổ thông tin và sự cạnh tranh gay gắt thì yêu cầu này ngày càng trở nên quan trọng do nhiệm vụ của kế toán là đảm bảo cung cấp thông tin một cách chính xác kịp thời, đầy đủ cho ban lãnh đạo để từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. Việc hoàn thiện phải kết hợp được kế toán tổng hợp với kế toán chi tiết, kế toán tài chính với kế toán quản trị.

- **Yêu cầu tiết kiệm và hiệu quả:** Bất kỳ một công ty, một doanh nghiệp nào bỏ vốn ra để kinh doanh đều mong muốn đồng vốn của mình được sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả. Mục đích cuối cùng của hoạt động kinh doanh là lợi nhuận cao nhất với chi phí thấp nhất mà việc hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu không ngoài mục đích đó. Một mặt hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu giúp kế toán giảm nhẹ công tác tổ chức, xử lý chứng từ mà vẫn đảm bảo độ chính xác cao của thông tin kế toán, mặt khác nhằm nâng cao nhiệm vụ của công tác kế toán trong việc giám đốc, quản lý việc sử dụng tài sản, tiền vốn của Công ty

3.2.2. Nguyên tắc hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu

Như đã trình bày ở trên, công tác kế toán nguyên vật liệu đóng vai trò quan trọng, có những ảnh hưởng mang tính quyết định tới khả năng cạnh tranh, sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp trong nền kinh tế cạnh tranh khốc liệt như hiện nay.

Do vậy, hoàn thiện công tác kế toán là một công việc cần thiết và được ưu tiên hàng đầu đối với các doanh nghiệp. Nói chung, tổ chức công tác kế toán nguyên vật

liệu phải đảm bảo được nguyên tắc gọn nhẹ, tiết kiệm và hiệu quả, quá trình hoàn thiện phải đảm bảo được các nguyên tắc sau đây:

- **Hoàn thiện phải tuân theo quy định của pháp luật**

Việc hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại doanh nghiệp trước hết phải tuân theo các chính sách, chế độ, chuẩn mực kế toán hiện hành. Điều này không những đảm bảo cho công tác kế toán của doanh nghiệp mang tính hợp pháp mà còn đảm bảo cho công tác kế toán được thực hiện một cách đúng đắn và thống nhất giữa các doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý vĩ mô.

- **Hoàn thiện theo nguyên tắc nhất quán**

Doanh nghiệp phải đảm bảo sự thống nhất về sổ kế toán và hệ thống tài khoản kế toán. Trong toàn doanh nghiệp phải sử dụng một loại mã tài khoản duy nhất, một mặt đảm bảo sự chính xác của công tác kế toán nguyên vật liệu, một mặt giúp cho nhà quản trị doanh nghiệp theo dõi được sự biến động của hoạt động sản xuất kinh doanh một cách logic và xuyên suốt.

Doanh nghiệp cũng phải đảm bảo sự thống nhất về phương pháp hạch toán trong một niên độ kế toán. Ví dụ: Doanh nghiệp chọn phương pháp tính giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ thì phải áp dụng phương pháp này để tính giá hàng xuất kho trong suốt niên độ kế toán. Nếu sang niên độ kế toán sau, doanh nghiệp muốn thay đổi chính sách và phương pháp kế toán đã chọn thì phải giải trình lý do và ảnh hưởng của sự thay đổi đó trong Thuyết minh báo cáo tài chính.

- **Hoàn thiện phải tuân theo nguyên tắc phù hợp**

Phù hợp với lĩnh vực kinh doanh: Mỗi doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực kinh doanh khác nhau thì có những đặc thù khác nhau. Việc hoàn thiện công tác kế toán nói chung và kế toán nguyên vật liệu nói riêng phải phù hợp với lĩnh vực mà doanh nghiệp đó hoạt động.

Phù hợp với trình độ của bộ máy kế toán: Tùy thuộc vào trình độ phát triển của bộ máy kế toán mà yêu cầu đối với việc hoàn thiện cũng khác nhau.

Hoàn thiện công tác kế toán là công việc hết sức quan trọng và phức tạp nên đòi hỏi nhân viên kế toán phải có trình độ nghiệp vụ cao, có kiến thức sâu rộng và luôn cập nhật các chính sách kinh tế, chế độ kế toán tài chính hiện hành...

Phù hợp với quy mô hoạt động: Chế độ kế toán phải phù hợp với quy mô của doanh nghiệp. Doanh nghiệp cũng phải tính đến khả năng hạch toán của doanh nghiệp, sự phù hợp cũng như sự thay đổi về nhân sự của doanh nghiệp.

Phù hợp về việc ghi nhận doanh thu, chi phí: Hoàn thiện công tác kế toán phải dựa trên nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí, tức là ghi nhận doanh thu cùng với chi phí tương ứng. Chi phí tương ứng là chi phí của kỳ tạo ra doanh thu, chi phí

của kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng có liên quan đến doanh thu trong kỳ hạch toán.

- **Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu về quản lý của doanh nghiệp**

Việc hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu phải đáp ứng được yêu cầu về quản lý của doanh nghiệp. Tùy theo từng loại hình doanh nghiệp, lĩnh vực, ngành nghề, mục tiêu kinh doanh khác nhau mà có các biện pháp quản lý cũng khác nhau.

Các doanh nghiệp luôn hoạt động nhằm mục đích tối đa hóa lợi nhuận. Trong môi trường cạnh tranh khốc liệt như hiện nay, nhất là đối với doanh nghiệp sản xuất thì giá thành sản phẩm được coi là yếu tố quyết định đến sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Giá thành có mối quan hệ nghịch chiều với lợi nhuận và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Nếu giá thành sản phẩm của doanh nghiệp càng cao thì lợi nhuận càng giảm và khả năng cạnh tranh cũng giảm sút.

- **Một số nguyên tắc khác**

Việc hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu phải đảm bảo nguyên tắc thận trọng, chi phí chỉ được ghi nhận khi có bằng chứng xác thực về khả năng phát sinh chi phí đó.

Ngoài ra, tổ chức công tác kế toán phải đảm bảo tính khả thi và hiệu quả. Các biện pháp được đưa ra có tính thực tiễn cao, phù hợp với tình hình hoạt động của doanh nghiệp.

3.3. MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI MINH QUÂN

Qua thời gian thực tập, dựa trên cơ sở lý luận đã được học kết hợp với việc tìm hiểu thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Minh Quân, Công ty cần có một số biện pháp để phát huy mặt tích cực đồng thời hạn chế các nhược điểm còn tồn tại nhằm góp phần hoàn thiện công tác kế toán nói chung và kế toán nguyên vật liệu của Công ty.

- **Hoàn thiện hệ thống tài khoản**

Tại Công ty, tài khoản 152 được mở thành hai tài khoản cấp 2 là:

TK 1521 – Nguyên vật liệu chính

TK 1522 – Vật liệu phụ

Tài khoản 1521 dùng để theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn của nguyên vật liệu chính là vải. Còn tài khoản 1522 dùng để theo dõi nguyên vật liệu phụ như: chỉ, khuy... ngoài ra nhiên liệu, phụ tùng thay thế và các vật liệu khác đều được theo dõi trên tài khoản 1522. Việc theo dõi chung trên cùng một tài khoản sẽ gây khó khăn cho công tác kế toán cũng như công tác quản lý của Công ty.

Theo em, Công ty nên mở thêm một tài khoản cấp 2 của tài khoản 152 là thành tài khoản 1523 – Nguyên vật liệu khác để theo dõi riêng cho nhiên liệu, phụ tùng thay thế, phế liệu và các vật liệu khác. Khi đó tài khoản 1522 chỉ theo dõi riêng về vật liệu phụ do đó công tác kế toán nguyên vật liệu và việc quản lý nguyên vật liệu dễ dàng và chính xác hơn.

- **Hoàn thiện giải pháp phần mềm kế toán FAST Accounting**

Thay vì việc chỉ để kế toán trưởng sử dụng phần mềm kế toán, hàng ngày công ty nên cho các nhân viên kế toán sử dụng phần mềm kế toán kết hợp với ứng dụng excel. Đồng thời Công ty cũng cần được trang bị thêm máy vi tính và các thiết bị văn phòng vì hiện nay một số máy tính và thiết bị tại phòng Tài chính – Kế toán đã quá cũ và sử dụng không hiệu quả.

- **Hoàn thiện công tác kế toán phế liệu thu hồi**

Do Công ty sản xuất theo đơn đặt hàng, kích thước, quy cách sản phẩm khác nhau vì vậy vải may quần áo được cắt khác nhau nên có nhiều đoạn vải thừa không thể sử dụng được, ngoài ra còn các phế liệu thu hồi khác là: kim, chỉ, ... Những phế liệu thu hồi từ sản xuất được nhập kho chờ thanh lý nhưng thủ kho và kế toán không tiến hành lập phiếu nhập kho cũng như không ghi sổ. Khi phế liệu được bán, kế toán ghi nhận số tiền thu được:

Nợ TK 111 – Tiền mặt

Có TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp

Việc ghi nhận số tiền thu được là không đúng.

Đầu tiên, Công ty cần theo dõi tình hình phế liệu thu hồi trên tài khoản chi tiết 1523 – Nguyên vật liệu khác để có thể nắm rõ được tình hình của phế liệu.

Khi nhập kho phế liệu, kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 1523 – Phế liệu thu hồi

Có TK 154 – Chi phí SXKD dở dang

Khi xuất kho bán phế liệu kế toán định khoản:

Nợ TK 811 – Giá vốn ước tính

Có TK 1523 – Phế liệu thu hồi

Đối với các khoản thu từ bán phế liệu kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 111 – Giá trị phế liệu thu hồi

Có TK 711 – Thu nhập khác theo giá bán

Có TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp

Ví dụ: Ngày 22 tháng 06 năm 2013, Công ty tiến hành bán phế liệu căn cứ vào Phiếu thu 105 kế toán ghi:

Nợ TK 111 1.650.000

Có TK 711	1.500.000
Có TK 3331	150.000

- Thực hiện công tác dự trữ nguyên vật liệu

Vấn đề tồn tại này là không tránh khỏi nhưng quan trọng công ty cần dự đoán trước phần nào lượng có thể bán ra để nhập mua số lượng gần sát với số lượng có thể sử dụng được. Nhưng giải pháp này yêu cầu trình độ và khả năng phán đoán thị trường của nhà lãnh đạo cao, đòi hỏi phải biết nhìn nhận mẫu mã và nhu cầu người tiêu dùng. Bên cạnh giải pháp đó, theo em công ty có thể thực hiện theo giải pháp, đó là khi tiến hành mua vải,... công ty cần cử nhân viên thiết kế ra nhìn mẫu để nhận định xem mẫu đó có thể thiết kế nhiều kiểu khác nhau không. Nếu mẫu đó có thể lên được nhiều mẫu khác nhau thì tiến hành mua với số lượng nhiều thì sau sẽ không sợ bị ứ đọng trong kho.

Đối với các nguyên vật liệu hiện đang ứ đọng, theo em công ty nên xem các mẫu đó có sử dụng được cho các mẫu hiện tại đang sản xuất không, nếu sử dụng được thì sẽ tiến hành đưa vào sản xuất nhằm mục đích không còn tồn trong kho nữa. Nếu không sử dụng được cho các mã sản phẩm đang bán thì gửi mẫu đó lên phòng thiết kế để nhân viên thiết kế tạo mẫu mới dựa trên nguyên vật liệu ứ đọng đó.

KẾT LUẬN

Quản lý tốt chi phí sản xuất nói chung, chi phí nguyên vật liệu nói riêng mang một ý nghĩa hết sức quan trọng đối với mỗi doanh nghiệp. Điều đó đòi hỏi các doanh nghiệp phải sử dụng hiệu quả các công cụ quản lý kinh tế, trong đó có kế toán. Nhận thức và hiểu rõ được tầm quan trọng của nguyên vật liệu trong sản xuất kinh doanh, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Minh Quân đã và đang tiếp tục đề ra các giải pháp để kiện toàn công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng, công tác kế toán của công ty nói chung. Để làm được điều đó thì cần phải có sự cố gắng, nỗ lực từ chính bản thân Công ty, bên cạnh đó phải có sự tư vấn, đóng góp ý kiến từ bên ngoài.

Trong quá trình thực tập tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Minh Quân, em đã có điều kiện củng cố kiến thức học tập tại trường và đi sâu tìm hiểu thực tế kế toán nguyên vật liệu ở Công ty biết được thực tế đa dạng và phức tạp hơn nhiều.

Trên đây là toàn bộ bài khóa luận của em về đề tài **“Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Minh Quân”**. Để có được kết quả này là nhờ sự chỉ bảo, giúp đỡ tận tình của cô giáo - Ths. Nguyễn Thanh Thủy cùng sự giúp đỡ của các bác, các chị tại phòng Tài chính – Kế toán của Công ty. Em đã có điều kiện tìm hiểu kỹ hơn về những vấn đề lý luận và thực tiễn tại Công ty, em cũng đã nhận ra được những điểm mạnh cần phát huy và những điểm yếu cần khắc phục trong công tác kế toán của Công ty. Từ đó, em đã mạnh dạn đưa ra một số ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán nguyên vật liệu ở Công ty. Song do khả năng của bản thân còn hạn chế và thời gian thực tập tại Công ty có hạn nên bài khóa luận không thể tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy, em rất mong nhận được sự chỉ bảo của các thầy cô và các bác, các chị phòng Tài chính – Kế toán của Công ty để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Qua đây em xin chân thành cảm ơn cô giáo – Ths. Nguyễn Thanh Thủy, người đã chỉ bảo và giúp đỡ em trong quá trình thực hiện bài khóa luận này và em cũng xin cảm ơn các thầy cô giáo trong Bộ môn kinh tế trường Đại học Thăng Long cùng các bác, các chị phòng Tài chính – Kế toán của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Minh Quân đã tạo điều kiện hướng dẫn và giúp đỡ em trong quá trình thực tập vừa qua.

Hà Nội, ngày 05 tháng 07 năm 2014

Sinh viên

Trần Thị Phương Nhung

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (2007), Sách “Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa (Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)”, Nhà xuất bản lao động – xã hội.
2. Một số khóa luận của các anh chị khóa trước.
3. PGS.TS Nguyễn Thị Đông (2009), Giáo trình “Hạch toán kế toán trong các doanh nghiệp”, Nhà xuất bản tài chính.
4. Tài liệu Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Minh Quân.
5. Thông tư 228/2009/TT – BTC ngày 07/12/2009.